



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING

unicef 
for every child

**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU
TRẺ EM LAO ĐỘNG TRÁI QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT
THÔNG QUA TRƯỜNG HỌC**

(dùng cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ sở giáo dục phổ thông)

Hà Nội, tháng 11 năm 2023

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	6
PHẦN THỨ NHẤT	7
1. Khái niệm	7
<i>1.1. Một số khái niệm</i>	7
<i>1.2. Cách xác định lao động trẻ em</i>	7
<i>1.3. Một số công việc không bị coi là lao động trẻ em</i>	8
2. Thực trạng và nguyên nhân học sinh bỏ học để tham gia lao động	11
2.1. <i>Thực trạng</i>	11
2.2. <i>Nguyên nhân của lao động trẻ em</i>	13
2.3. <i>Hậu quả của lao động trẻ em</i>	17
3. Vai trò của nhà trường	19
3.1. <i>Trang bị kiến thức, kỹ năng, nâng cao nhận thức</i>	19
3.2. <i>Phát hiện, phối hợp xử lý trường hợp bỏ học để tham gia lao động</i>	20
3.4. <i>Hỗ trợ nâng cao nhận thức của cha mẹ học sinh về lao động trẻ em</i>	24
PHẦN THỨ HAI	26
1. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em	26
1.1. <i>Nâng cao nhận thức và năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường</i>	26
1.2. <i>Giáo dục nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng thúc đẩy tính chuyên cần, phòng ngừa bỏ học, phòng chống lưu ban cho học sinh</i>	27
2. Xây dựng, thực hiện các bước tiến hành trong phát hiện, phối hợp phòng ngừa, can thiệp, hỗ trợ học sinh trước, trong, sau khi bỏ học để tham gia lao động	27
2.1. <i>Các bước trong phát hiện nguy cơ trước khi học sinh bỏ học</i>	27
2.2. <i>Các bước trong thực hiện khi học sinh bắt đầu nghỉ học</i>	28
2.3. <i>Các bước trong thực hiện tiếp nhận khi học sinh trở lại học tập tại trường</i>	29
3. Tích hợp phòng ngừa LĐTE trong công tác giáo dục lao động, hướng nghiệp, phân luồng ..	31
3.1. <i>Giáo dục lao động</i>	31
3.2. <i>Hướng nghiệp</i>	32
3.3. <i>Phân luồng</i>	33
PHẦN THỨ BA	35
1. Đảm bảo nhân lực thực hiện	35
1.1. <i>Cán bộ quản lý</i>	35
1.2. <i>Giáo viên chủ nhiệm</i>	36
1.3. <i>Tổng phụ trách Đội/Bí thư Đoàn</i>	36
1.4. <i>Nhân viên/giáo viên kiêm nhiệm công tác tư vấn tâm lý/công tác xã hội</i>	37
1.5. <i>Giáo viên bộ môn</i>	37

1.6. Nhân viên y tế và những nhân viên khác	38
2. Nhà trường phối hợp với gia đình, xã hội	38
2.1. Nhà trường phối hợp với gia đình	38
2.2. Nhà trường phối hợp xã hội.....	39
PHẦN THỨ TƯ	42
1. Phụ lục 1.....	42
1.1. Mô hình trong trường học	42
1.2. Mô hình tại cộng đồng	45
2. Phụ lục 2.....	46
2.1. Kỹ năng truyền thông nhóm về lao động trẻ em	46
2.2. Kỹ năng thuyết trình.....	48
2.3. Kỹ năng lắng nghe tích cực	50
2.4. Kỹ năng nhận biết lao động trẻ em	52
3. Phụ lục 3.....	54
3.1. Trách nhiệm thông báo	54
3.2. Các địa chỉ tiếp nhận và xử lý thông tin.....	54
4. Phụ lục 4:.....	55
5. Phụ lục 5.....	59
TÀI LIỆU THAM KHẢO	68

NHÓM TÁC GIẢ BIÊN TẬP

- TS. Nguyễn Xuân An Việt, Phó Vụ trưởng Vụ Giáo dục Chính trị và Công tác học sinh, sinh viên, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ biên.
- TS. Phùng Khắc Bình, Nguyên Vụ trưởng Vụ Công tác học sinh, sinh viên, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thành viên.
- TS. Phạm Anh Tuấn, Chuyên viên chính Vụ Giáo dục Chính trị và Công tác học sinh, sinh viên, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thành viên.
- ThS. Nguyễn Thanh Hương, Chuyên viên chính Vụ Giáo dục Chính trị và Công tác học sinh, sinh viên, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thành viên.

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

- CBQL : cán bộ quản lý
- GDĐT : Giáo dục và Đào tạo
- GV : giáo viên
- HS : học sinh
- LĐTE : lao động trẻ em
- LDTBXH : Lao động - Thương binh và Xã hội
- NV : nhân viên
- TH : tiểu học
- THCS : trung học cơ sở
- THPT : trung học phổ thông

LỜI NÓI ĐẦU

Theo Quyết định số 782/QĐ-TTg ngày 27/5/2021 phê duyệt Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, Bộ GDĐT có nhiệm vụ là chủ trì công tác phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em theo chức năng, nhiệm vụ của ngành: Cung cấp thông tin, kiến thức, kỹ năng về phòng ngừa lao động trẻ em cho học sinh, giáo viên; hỗ trợ trẻ em có nguy cơ trở thành lao động trẻ em; lao động trẻ em được tiếp cận giáo dục phổ thông và triển khai mô hình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em theo chức năng, nhiệm vụ. Để triển khai thực hiện nhiệm vụ này, Bộ GDĐT phối hợp với Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc tổ chức biên tập cuốn “Tài liệu hướng dẫn phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật thông qua trường học” trên cơ sở quy định của Luật Trẻ em năm 2016, Bộ luật Lao động năm 2019 cùng các văn bản hướng dẫn thực hiện một số điều của các luật, một số tài liệu hướng dẫn của Bộ LĐTBXH.

Đây là tài liệu tham khảo dùng cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của cơ sở giáo dục phổ thông để từ đó có thể cụ thể hoá sự chỉ đạo của cấp trên cho phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương, nhà trường về công tác phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em thông qua trường học. Trong quá trình triển khai thực hiện công tác này, cơ sở giáo dục phổ thông cần kết nối với công tác giáo dục lao động, hướng nghiệp, phân luồng học sinh để đem lại hiệu quả tốt, tránh bệnh hình thức. Học sinh, phụ huynh học sinh và những người quan tâm có thể dùng Tài liệu này để tham khảo nhằm giúp cho trẻ em, học sinh có điều kiện tốt để duy trì học tập tại trường, phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em.

Để Tài liệu ngày càng được hoàn thiện hơn, Nhóm tác giả biên tập rất mong nhận được sự góp ý của các Quý độc giả (xin gửi về Vụ Giáo dục Chính trị và Công tác học sinh, sinh viên, Bộ GDĐT, số 35 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội).

Trân trọng!

Nhóm tác giả biên tập

PHẦN THỨ NHẤT MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LAO ĐỘNG TRẺ EM

1. Khái niệm

1.1. Một số khái niệm

Trẻ em là người dưới 16 tuổi (Điều 1, Luật Trẻ em 2016).

Người chưa thành niên là người chưa đủ mười tám tuổi (Điều 21, Bộ luật Dân sự 2015).

Trẻ em lao động là trẻ em sử dụng công cụ, phương tiện, tư liệu sản xuất có chủ ý để tạo ra của cải, vật chất, các tài sản khác nhằm phục vụ cho đời sống con người, phát triển kinh tế, xã hội.

Căn cứ vào luật pháp quốc tế và Quốc gia, hướng dẫn của Bộ LĐTBXH, trong Tài liệu này, khái niệm lao động trẻ em được hiểu như sau:

Lao động trẻ em là hoạt động của người chưa thành niên làm công việc trái quy định của luật pháp về lao động, cản trở hoặc tác động tiêu cực đến sự phát triển thể chất, trí tuệ, nhân cách của người chưa thành niên.

Từ quan niệm như trên, trong Tài liệu này, “lao động trẻ em” được hiểu là “người chưa thành niên lao động trái quy định của pháp luật”.

1.2. Cách xác định lao động trẻ em

Quy định các trường hợp người chưa thành niên làm công việc trái quy định luật pháp về lao động được thể hiện cụ thể ở Điều 146, Điều 147, Bộ luật Lao động 2019, có thể chia thành 03 nhóm sau đây:

Nhóm 1. Về thời giờ làm việc

- Thời giờ làm việc của người chưa đủ 15 tuổi: Không quá 04 giờ trong 01 ngày và 20 giờ trong 01 tuần; không được làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm.

- Thời giờ làm việc của người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi: Không quá 08 giờ trong 01 ngày và 40 giờ trong 01 tuần; không làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm, trừ một số nghề, công việc có thể được làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm theo danh mục tại Phụ lục II, Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH.

Nhóm 2. Về loại công việc

Cấm sử dụng người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi làm các công việc sau đây:

- Mang, vác, nâng các vật nặng vượt quá thể trạng của người chưa thành niên;

- Sản xuất, kinh doanh cồn, rượu, bia, thuốc lá, chất tác động đến tinh thần hoặc chất gây nghiện khác;

- Sản xuất, sử dụng hoặc vận chuyển hóa chất, khí gas, chất nổ;

- Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc;

- Phá dỡ các công trình xây dựng;

- Nấu, thổi, đúc, cán, dập, hàn kim loại;

- Lặn biển, đánh bắt thủy, hải sản xa bờ;

- Công việc khác gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên. Danh mục “công việc khác” ở Điểm này được nêu ở Phụ lục 5 của Tài liệu này.

Nhóm 3. Về nơi làm việc

Cấm sử dụng người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi làm việc ở các nơi sau đây:

- Dưới nước, dưới lòng đất, trong hang động, trong đường hầm;

- Công trường xây dựng;

- Cơ sở giết mổ gia súc;

- Sòng bạc, quán bar, vũ trường, phòng hát karaoke, khách sạn, nhà nghỉ, cơ sở tắm hơi, cơ sở xoa bóp; điểm kinh doanh xổ số, dịch vụ trò chơi điện tử;

- Nơi làm việc khác gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên. Danh mục “nơi làm việc khác” ở Điểm này được nêu ở Phụ lục 6 của Tài liệu này.

1.3. Một số công việc không bị coi là lao động trẻ em

Những công việc của người chưa thành niên không vi phạm luật pháp về lao động thì không bị coi là LĐTE. Trẻ em, học sinh tham gia lao động phù hợp với sức lực, điều kiện của mình thì đó vừa là nhu cầu, vừa là trách nhiệm của các em. Sau đây là một số ví dụ về công việc mà trẻ em, học sinh được phép làm, cụ thể như sau:

a) Một số công việc thông thường mà trẻ em dưới 13 tuổi được phép làm

Tùy theo độ tuổi, học sinh có thể làm:

- Công việc ở nhà: Nội trợ, phụ giúp gia đình thường ngày ở hộ gia đình mà không ảnh hưởng xấu đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách và sự phát triển toàn diện của trẻ em như:

+ Tự phục vụ tùy theo lứa tuổi: Tự làm vệ sinh, lau dọn, sắp xếp đồ dùng học tập, chỗ ngủ, chỗ học, chỗ chơi của bản thân, tự sắp xếp thời gian biểu, cân bằng giữa việc học, thời gian dành cho bản thân, gia đình và tham gia hoạt động tại cộng đồng ...

+ Tham gia công việc phục vụ sinh hoạt: Làm những công việc nhẹ nhàng trong nhà, sau giờ học như nấu ăn, rửa bát, dọn dẹp nhà cửa, trông em ...

+ Tham gia phụ giúp công việc gia đình, phù hợp với sức khỏe, không làm ảnh hưởng xấu đến việc học tập như: Chăn nuôi gia súc (trâu, bò, lợn, gà...), chăm sóc cây cối, bán hàng, nghề thủ công mỹ nghệ mà không vi phạm luật pháp về lao động, ...

- Công việc vất, phù hợp sức lực, điều kiện của học sinh khi ở trường như:

+ Vệ sinh lớp học: Trục nhật hàng ngày, tổng vệ sinh theo tuần, theo tháng với các công việc như lau bàn ghế, lau tủ, bảng, các cánh cửa, ô cửa, quét dọn lớp, đổ rác, trồng rau, trồng hoa, trang trí lớp học, hội trường...

+ Làm các sản phẩm đơn giản phục vụ cá nhân, đồ dùng học tập, làm tranh ảnh, đồ chơi tự tạo cho bản thân, cho các em học sinh ở lớp nhỏ tuổi hơn...

+ Nhặt rác ở chỗ ngồi học, lớp học, sân trường, các khu vực bồn cây và các khu vực khác trong khuôn viên trường, đảm bảo trường học không có rác thải vứt không đúng chỗ.

+ Làm vệ sinh, thu dọn gọn gàng, sạch sẽ ở các khu vực được phân công như sân trường, các địa điểm khác trong trường, ở cổng trường ...

+ Làm các công việc mà HS tự nguyện xin đảm nhận công trình tự quản của mỗi lớp/Chi đội/Chi đoàn, ví dụ như chăm sóc các công trình măng non, công trình thanh niên: trồng, bảo vệ và chăm sóc cây xanh, vườn hoa, vườn trường, vườn rau (nếu có), thăm cỏ trong trường học ...

+ Làm ra các sản phẩm (tùy theo lứa tuổi, năng lực, với sự hướng dẫn, hỗ trợ của CBQL GV NV nhà trường) theo chương trình học tập phổ thông ở các khối lớp, cấp học, nhất là các sản phẩm mang đậm tính sáng tạo của người học (ví dụ, các sản phẩm STEM, sáng tạo khoa học công nghệ, vận dụng kiến thức vào thực tiễn lao động sản xuất, kinh tế, xã hội của địa phương).

- Công việc nông nghiệp không nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm ở những cơ sở gia đình/cơ sở quy mô nhỏ, không thường xuyên sử dụng người lao động làm công hưởng lương, sản xuất cho thị trường địa phương. Tùy theo lứa tuổi, sau khi hoàn thành việc tự học ở nhà, có thể tham gia các công việc vừa sức để phụ giúp công việc của gia đình như lao động sản xuất giản đơn, thủ công mỹ nghệ, chăn

nuôi gia súc của gia đình (chăn trâu, bò, gà, vịt, lợn ...), ngoại trừ các công việc mà luật pháp cấm.

- Công việc tại cộng đồng. Tùy theo lứa tuổi, sức lực, với tinh thần tự nguyện, học sinh có thể tham gia một số công việc nhẹ nhàng (không vi phạm luật pháp) như:

+ Vệ sinh, giữ gìn đường, ngõ, ngách, sân chơi văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao, khu vực ở nơi cư trú sạch, đẹp, an toàn;

+ Phối hợp tham gia các hoạt động xã hội, tình nguyện theo các phong trào của tổ chức Đoàn, Đội ở nhà trường, địa phương...

Ngoài ra còn những công việc khác mà người chưa thành niên tham gia, không vi phạm luật pháp về lao động thì không bị coi là lao động trẻ em.



Học sinh TH (Quảng Bình) gom rác ở bãi biển (Ảnh: Báo GD&ĐT, 22/5/2022)

b) Một số lao động để phát triển năng khiếu mà trẻ em dưới 13 tuổi được phép làm

“Người sử dụng lao động không được tuyển dụng và sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc, trừ các công việc nghệ thuật, thể dục, thể thao nhưng không làm tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa đủ 13 tuổi và phải có sự

đồng ý của cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” (Điều 145, Bộ luật Lao động 2019). Như vậy trẻ em dưới 13 tuổi được phép làm các công việc nghệ thuật, thể dục, thể thao nhưng không làm tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của các em và phải có sự đồng ý của Sở LĐTBXH.

c) Trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi được phép làm các công việc: Danh mục công việc nhẹ người từ đủ 13 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi được làm được nêu trong Phụ lục 7 của Tài liệu này.

d) Một số nghề, công việc người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi được làm thêm giờ. Danh mục một số nghề, công việc của Điểm d này được nêu trong Phụ lục 8 của Tài liệu này.

đ) Một số nghề, công việc người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi được làm việc vào ban đêm

- Biểu diễn nghệ thuật.

- Vận động viên thể thao (*Phụ lục II, Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH*).

2. Thực trạng và nguyên nhân học sinh bỏ học để tham gia lao động

2.1. Thực trạng

Theo Điều tra quốc gia về LĐTE 2018:

- Số liệu lao động trẻ em ở Việt Nam

Việt Nam có trên 19,2 triệu trẻ em từ 5-17 tuổi, trong đó có trên 1,75 triệu trẻ em tham gia hoạt động kinh tế (còn gọi là trẻ em làm việc hoặc trẻ em tham gia lao động), chiếm 9,1% tổng số trẻ em 5-17 tuổi cả nước. Trong số trẻ em hoạt động kinh tế trên, có hơn 1,03 triệu em được xác định là LĐTE, chiếm 5,4% tổng số trẻ em 5-17 tuổi và chiếm 58,8% trẻ em tham gia hoạt động kinh tế.

Đa số trẻ em tham gia lao động là trẻ em trai, chiếm 54,5% trong nhóm trẻ em tham gia hoạt động kinh tế; chiếm 59% ở nhóm trẻ em là LĐTE; chiếm 67,2% ở nhóm LĐTE nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Trẻ em có độ tuổi 15-17 chiếm đa số trong nhóm trẻ em tham gia hoạt động kinh tế (chiếm 56,4%); trong nhóm LĐTE (chiếm 51,2%); trong nhóm LĐTE nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (chiếm gần 71%).

- Khu vực sử dụng LĐTE

Lao động trẻ em ở Việt nam còn tồn tại chủ yếu ở khu vực phi chính thức (làm việc nhưng không ký kết hợp đồng lao động, không có sự ràng buộc giữa người sử dụng lao động và người lao động), kinh tế hộ gia đình, lao động tự do. Nhiều doanh nghiệp trong khu vực chính thức không sử dụng LĐTE vì nếu sử dụng thì họ sẽ có nguy cơ bị cắt giảm đơn hàng hoặc loại khỏi chuỗi cung ứng toàn cầu; tăng chi phí

tuyển dụng thay thế; giảm uy tín và khó thu hút nhà đầu tư. Hiện nay, xu hướng của các doanh nghiệp có quy trình tuyển dụng lao động ngày càng được thắt chặt từ khâu thông báo tuyển dụng, xác minh hồ sơ đến tuyển dụng trực tiếp, cam kết giữa các bên tham gia hợp đồng lao động về việc sử dụng lao động đủ tuổi theo luật và bảo đảm điều kiện an toàn, đúng quy định.

Hình thức LĐTE: Trên 1/2 trẻ em tham gia lao động dưới hình thức là lao động hộ gia đình không được trả tiền công, còn lại là dưới hình thức được trả tiền công hoặc tự làm. Mức tiền công hàng tháng của trẻ em tham gia lao động được trả tiền công bằng khoảng 3/4 mức thu nhập bình quân của người lao động trong thị trường lao động.

Tỷ lệ trẻ em 5-17 tuổi tham gia hoạt động kinh tế ở khu vực nông thôn cao hơn khoảng 2,6 lần so với tỷ lệ trẻ em 5-17 tuổi ở khu vực thành thị. Số trẻ em tham gia hoạt động kinh tế ở lĩnh vực nông nghiệp nhiều hơn số trẻ em hoạt động kinh tế ở lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Như vậy, tình trạng LĐTE đi làm thuê cho các chủ lao động thường xảy ra chủ yếu ở khu vực phi chính thức hoặc khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa. Chủ lao động trong khu vực này nhận thấy khi thuê lao động là trẻ em thì sẽ phải chi phí tiền lương ít hơn, dễ sai vặt hơn và các em ít khi nhận thức được hoặc đấu tranh để bảo vệ quyền lợi của bản thân.

- Tỷ lệ đi học của trẻ em có tham gia lao động

Trong khi tham gia lao động, nhiều trẻ em vẫn tiếp tục đi học và tỷ lệ tiếp tục đi học ngày càng tăng. Nếu theo Điều tra quốc gia về LĐTE 2012, tỷ lệ của trẻ em vẫn tiếp tục đi học trong tổng số trẻ em tham gia lao động là 43,6% thì tỷ lệ này đã tăng lên đến 63% theo Điều tra quốc gia về LĐTE 2018. Tỷ lệ LĐTE của Việt Nam ở mức trung bình thấp so với khu vực và thế giới và đã có chuyển biến tích cực về tình hình trẻ em tham gia lao động, cụ thể là tỷ lệ trẻ em tham gia lao động trong tổng số trẻ em 5-17 tuổi năm 2012 là 15,5% đã giảm xuống còn 9,1% vào năm 2018.

Hiện nay, ở Việt Nam chưa có số liệu thống kê về HS bỏ học để tham gia lao động và trở thành LĐTE. Tỷ lệ HS bỏ học ở các cấp học ngày càng giảm, cụ thể: Trong năm học 2013-2014, tỷ lệ bỏ học ở các cấp TH, THCS, THPT lần lượt là 0,159%; 1,37%; 1,79% thì trong năm học 2020-2021 các tỷ lệ tương ứng ở các cấp chỉ còn là 0,09%; 0,73%; 1,19% (nguồn: Niên giám thống kê GDĐT). Do đó, tỷ lệ HS bỏ học để tham gia lao động so với tổng số trẻ em cùng độ tuổi, cũng như HS bỏ học để trở thành LĐTE ngày càng giảm.

2.2. Nguyên nhân của lao động trẻ em

Có nhiều nguyên nhân khác nhau, thậm chí có khi trẻ em tham gia lao động và trở thành LĐTE do nhiều nguyên nhân tác động cùng một lúc, rất khó phân biệt rạch ròi đâu là nguyên nhân chính. Có thể có nhiều cách phân chia thành các nhóm nguyên nhân khác nhau. Tùy theo điều kiện, thực tiễn ở mỗi nơi, mỗi lúc có thể thể hiện một số nguyên nhân chính khác nhau, trong Tài liệu này, đưa ra 04 nhóm nguyên nhân chính và một số nguyên nhân khác.

1) Nguyên nhân về kinh tế: Gia đình nghèo khiến trẻ em phải đi làm sớm

Theo Điều tra quốc gia về LĐTE 2018, trong tổng số LĐTE có 20,7% trẻ em tham gia lao động để tạo thu nhập cho gia đình và có 27,3% trẻ em tham gia lao động vì muốn tham gia vào sản xuất kinh doanh của hộ gia đình. Tỷ lệ nghèo và LĐTE có mối quan hệ mật thiết với nhau. Nhìn chung, mức sống tăng lên thì có cơ hội để giảm thiểu LĐTE. Nghèo đói là nguyên nhân khiến trẻ em phải làm việc để bổ sung vào nguồn thu nhập cho gia đình, đặc biệt là khi gia đình có thu nhập thấp hoặc không ổn định (do thiên tai, thời tiết, nghề nghiệp không ổn định, dễ gặp rủi ro). Hộ gia đình càng có mức thu nhập cao thì khả năng trẻ em được đến trường càng tăng lên, khả năng phải lao động trái luật pháp về lao động ngày càng giảm.

Trẻ em đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo kinh tế gia đình trong hoàn cảnh khó khăn, hay khi các thành viên khác trong gia đình không thể đi làm. Trong trường hợp xảy ra bất thường về kinh tế, ví dụ như: Mất mùa, thiên tai, người thân đang là lao động bị chết hoặc mất giảm sức lao động thì trẻ em dễ bị buộc phải đi làm để giảm bớt gánh nặng cho gia đình. Khu vực nông thôn có tỷ lệ nghèo cao hơn, các dịch vụ cơ bản yếu kém hơn, ít cơ hội được đi học, đặc biệt là sau khi học hết TH, khiến nhiều hộ gia đình phải cho trẻ em đi làm sớm hơn và thường làm việc ở nông trại gia đình; LĐTE tăng lên trong những tháng mùa vụ.

2) Nguyên nhân về nhận thức, tâm lý: Trẻ em muốn tự khẳng định bản thân sớm

Trẻ em mong muốn tự lập sớm, muốn tự khẳng định bản thân bằng cách tham gia lao động để tự kiếm tiền, có thu nhập cho bản thân, muốn học nghề/có nghề trong xã hội. Trong tổng số LĐTE có 9,3% trẻ em muốn tạo thu nhập cho bản thân và có 3,2% trẻ em muốn học nghề/có nghề. Như vậy, trong tổng số LĐTE có 12,5% trẻ em tham gia lao động do nguyên nhân muốn tự khẳng định bản thân sớm (Nguồn: Điều tra về LĐTE 2018).

3) Nguyên nhân về giáo dục: Trẻ em không thích đi học

Không thích học do học yếu: Một trong các nguyên nhân của việc HS học yếu, không theo kịp chương trình, đặc biệt là HS ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số

là do các em còn bị hạn chế về tiếng phổ thông, nhất là ở cấp TH, thậm chí có nhiều HS chưa biết nói tiếng phổ thông lưu loát khi bắt đầu vào lớp 1. Nếu các em bị hổng kiến thức mà vẫn được lên lớp thì khi học ở cấp THCS sẽ có nguy cơ nghỉ học ở các lớp đầu cấp, nhất là vào dịp sau khi nghỉ hè, nghỉ Tết vì không theo kịp chương trình, không hiểu bài, chán học, sợ học, “sợ chữ”, sợ đến trường. Khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số có nhiều HS tham gia các lễ hội sau đó dễ nghỉ học và có nguy cơ bỏ học luôn, trở thành LĐTTE.

Sự quan tâm của giáo viên: Khi HS nghỉ học một số buổi mà GV không quan tâm, nhắc nhở thì HS dễ bỏ học luôn vì thấy chẳng ai quan tâm đến mình nữa, sẽ không còn bị trách mắng nữa nếu bỏ học. Nếu đã bỏ học rồi thì rất khó đi học lại vì kiến thức càng bị hổng hơn, khó theo kịp chương trình. Trong khi đó, không đi học thì thấy thoải mái hơn, có nhiều điều mới lạ hơn, không phải bắt buộc ngồi nghe những điều mà bản thân không quan tâm, không hiểu. Nhận thức của HS còn non nớt, chưa đầy đủ nên nếu không phát hiện, không động viên, hỗ trợ kịp thời thì đó cũng là một trong các nguyên nhân làm HS không tiếp tục đi học.

Thiếu hoạt động ngoại khoá hấp dẫn: Nếu nhà trường thiếu các hoạt động ngoại khoá hấp dẫn thì HS bị giảm đi niềm vui, niềm hứng thú khi đến trường. Dần dần, việc đi học trở nên không còn hấp dẫn, trong khi tại cộng đồng có rất nhiều điều mới lạ mà các em rất muốn khám phá.

4) Nhận thức của cha mẹ chưa đúng

Nhiều người cho rằng trẻ em tham gia phụ giúp gia đình hoặc bản thân HS bỏ học để tham gia lao động là quyền của gia đình, quyền của trẻ em, HS. Khi chủ thuê trẻ em làm việc là theo sự thoả thuận thống nhất của hai bên, không bị ép buộc thì không vi phạm luật pháp. Tuy nhiên, trong những trường hợp trẻ em làm việc ở một số công việc bị cấm, quá thời gian quy định theo lứa tuổi, trong điều kiện bị cấm theo lứa tuổi, ảnh hưởng xấu đến quyền học tập của các em thì đều vi phạm luật pháp về lao động.

Nếu cha mẹ có trình độ học vấn thấp, không nhận thức được lợi ích lâu dài của giáo dục, không nhận thức được tác hại của LĐTTE thì dù họ đã có mức thu nhập cao nhưng cũng thường muốn trẻ em đi làm sớm. Nếu trình độ học vấn của cha mẹ càng cao thì con càng ít có nguy cơ bỏ học, để tham gia lao động sớm. Cho nên, việc nâng cao trình độ nhận thức về tác dụng của giáo dục đối với trẻ em cho chủ hộ gia đình sẽ tăng cao thêm khả năng được đi học của trẻ em.

Ngoài 04 nhóm nguyên nhân chính trên, còn có một số nguyên nhân khác được nêu ra sau đây.

5) Phân biệt đối xử trên cơ sở giới

Phân biệt đối xử với trẻ em gái: Sự phân biệt đối xử với trẻ em gái, đặc biệt trong vấn đề học tập, dẫn đến một số trẻ em gái phải bỏ học sớm để đi làm. Trong khi đó, ở nhiều gia đình sẵn sàng ưu tiên đầu tư cho con trai học để làm vẻ vang dòng họ, còn đối với con gái thì học vừa thôi, nghỉ học sớm rồi lấy chồng sớm. Một số người có quan niệm sai là “con gái là con người ta”, sau này phụng sự công việc nhà chồng nên không cần ưu tiên đầu tư về học hành như con trai. Tâm lý, quan niệm này đã có từ lâu đời và được nhiều người chấp nhận, thậm chí chính bản thân một số trẻ em cũng đồng tình như vậy nên ở một số trẻ em gái không có động lực học tập mạnh mẽ, nhiều khi chấp nhận sự sắp xếp của cha mẹ theo quan niệm như vậy. Đó là những quan niệm sai, cần phải được tuyên truyền giáo dục để hướng tới không biệt đối xử với trẻ em gái.

Tảo hôn: Nạn tảo hôn cũng là một trong các nguyên nhân buộc trẻ em đã xây dựng gia đình phải nghỉ học để lao động kiếm sống, nhất là khi có con, trẻ em gái bắt buộc phải nghỉ học để nuôi con, còn trẻ em trai cũng rất khó khăn khi tiếp tục đi học và có nguy cơ cao bỏ học để chăm lo, mưu sinh cho gia đình. Như vậy, từ nguyên nhân về giới đã dẫn đến tình trạng thiệt thòi cho trẻ em gái so với trẻ em trai trong việc tiếp tục đi học ở trường phổ thông cũng như ít có cơ hội hơn khi học ở trình độ cao hơn.

6) Khủng hoảng gia đình

Ở một số gia đình khi cha mẹ ly thân, ly hôn mà không gương mẫu trong cuộc sống, sa đà vào các tệ nạn xã hội (nghiện rượu, cờ bạc, buôn lậu, vi phạm pháp luật hoặc gia đình có biến cố lớn ...) dẫn đến một số trẻ em bị hoang mang, giao động, không xác định được phương hướng học tập đúng đắn, dễ bỏ học, đi lang thang, tự kiếm sống và trở thành LĐTE, thậm chí tham gia vào các hành vi vi phạm pháp luật.

7) Di cư cùng cha mẹ

Đô thị hoá nhanh gắn liền với việc di cư từ nông thôn ra thành thị, một số gia đình (trong đó có trẻ em) ở vùng núi, đồng bằng Bắc bộ chuyển vào một số tỉnh ở Tây Nguyên, đi làm ở một số khu công nghiệp ở phía nam; một bộ phận không nhỏ trẻ em di cư cùng cha mẹ từ đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên đến thành phố Hồ Chí Minh và các khu công nghiệp. Nhiều trẻ em trong số các gia đình di cư đó không được đến trường hoặc có đến thì chỉ hoàn thành bậc TH, do không có đủ giấy tờ như đăng ký tạm trú, thậm chí không có giấy khai sinh. Ngoài ra, còn có nhóm trẻ em bị bỏ lại phía sau trong khi cha mẹ đi di cư, có nguy cơ tham gia lao động và bị xâm hại/bạo lực rất cao. Một số trẻ em theo gia đình vào làm ăn ở

vùng đất mới, khu công nghiệp đã ít có cơ hội tiếp tục học tập và đã tham gia lao động sớm cùng gia đình hoặc tự kiếm sống bằng các công việc tự do nên dễ trở thành LĐTE. Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi trong các gia đình di cư có xu hướng nghỉ học cao gấp 1,2 lần so với trẻ em không di cư, con số này là 1,6 lần đối với trẻ em TH và 1,7 lần đối với trẻ em THCS (Báo cáo Trẻ em ngoài nhà trường: Nghiên cứu của Việt Nam, UNICEF, 2016).

8) *Thực thi chính sách, pháp luật ở cơ sở*

Hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay về lao động chưa thành niên là khá đồng bộ và hài hòa với luật pháp quốc tế, đặc biệt là trong Bộ luật Lao động 2019 và các văn bản hướng dẫn đã mở rộng phạm vi điều chỉnh sang khu vực kinh tế không có quan hệ lao động (làm việc không trên cơ sở thuê mướn bằng hợp đồng lao động). Đây là điểm mới cơ bản, quan trọng, tiến bộ so với trước đây. Tuy nhiên, nhận thức của một số cấp chính quyền, ban ngành, cán bộ thực hiện và của cộng đồng, cha mẹ, trẻ em còn chưa hiểu biết đầy đủ về LĐTE. Hơn nữa, ở một số nơi do thiếu cán bộ thực hiện nên khi tiến hành thanh tra, kiểm tra về LĐTE gặp khó khăn, nhất là khu vực phi chính thức, nơi mà người lao động làm việc nhưng không ký kết hợp đồng lao động, không có sự ràng buộc giữa người sử dụng lao động và người lao động, nơi có nhiều trẻ em tham gia lao động. Tại Việt Nam, các tổ chức đoàn thể và các tổ chức phi chính phủ tham gia khá nhiều vào lĩnh vực bảo vệ trẻ em, nhưng sự tham gia của khu vực tư nhân lại khá hạn chế (theo nhận định của “Báo cáo tóm tắt Tổng quan tài liệu và lập hồ sơ can thiệp LĐTE ở Việt Nam” do Bộ LĐTBXH và Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc thực hiện).

9) *Sự tác động từ môi trường thị trường lao động*

Cha mẹ đi làm ăn xa, hoặc mãi mê làm ăn (dù ở cùng con) nhưng ít quan tâm đến việc học hành của con cái hơn ngày càng nhiều. Số lượng và tỷ lệ này ngày càng có xu hướng tăng lên cùng với sự phát triển của các khu công nghiệp, làng nghề, trang trại sản xuất, chăn nuôi, nuôi trồng, đánh bắt hải sản, dịch vụ sản xuất kinh doanh, du lịch, ... ngày càng phát triển mạnh mẽ. Trong khi đó, ở nhiều khu công nghiệp chưa đáp ứng được nhu cầu về trường, lớp, điều kiện học tập cho trẻ em, HS, dễ dẫn đến các em bỏ học sớm, tham gia lao động dưới nhiều hình thức, công việc khác nhau.

Ở các gia đình khó khăn thì vấn đề nhu cầu lao động của một số gia đình đã chấp nhận cho các con nghỉ học để tham gia lao động cùng cha mẹ, gia đình, đặc biệt là ở vùng còn khó khăn về kinh tế ở vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng ven biển, biên giới.

Một số nhu cầu lao động bất hợp pháp đã thông qua các môi giới lao động, tìm việc làm để tìm kiếm, khuyến khích trẻ em tham gia lao động với các chiêu trò hấp dẫn, có khả năng lôi kéo một số trẻ em háo hức tham gia và trở thành LĐTE.

10) Tác động của môi trường mạng

Môi trường mạng ngày càng có xu hướng tác động tới trẻ em, HS ngày càng mạnh mẽ đã ảnh hưởng đến việc học tập của các em. Nhiều em chơi các trò chơi, xem và tương tác với một số nội dung trên mạng xã hội quá nhiều, dẫn đến sao nhãng việc học tập, kết quả học tập yếu dần và dẫn tới bỏ học để tham gia lao động khi còn nhỏ tuổi.

Ngoài ra, còn một số nguyên nhân cụ thể khác từ môi trường sống các khu vực, địa phương có đặc thù khác nhau và có thể thay đổi. Do đó, công tác phòng ngừa LĐTE cũng phải luôn cập nhật và có ứng phó kịp thời, hiệu quả, cụ thể cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể ở mỗi nơi trong các thời điểm khác nhau.

11) Ảnh hưởng đại dịch COVID-19

Đại dịch COVID-19 đã làm suy giảm điều kiện kinh tế, đe dọa sinh kế của các hộ gia đình, chuỗi cung ứng giữa các công ty và các nhà cung cấp trên toàn cầu bị gián đoạn gây nên tình trạng thiếu việc làm, thất nghiệp trên toàn thế giới. Nhiều gia đình bị mất trụ cột kinh tế khi có người tử vong hoặc mất sức lao động do đại dịch COVID-19. Một số gia đình rời bỏ công việc ở khu công nghiệp, trở về quê và lâm vào hoàn cảnh rất khó khăn về kinh tế. Đó cũng là một trong các nguyên nhân buộc trẻ em ở những hộ gia đình khó khăn đó phải tham gia lao động sớm và có nguy cơ cao trở thành LĐTE.

Ngay sau đại dịch, xuất hiện tình trạng dụ dỗ lừa đảo qua môi trường mạng làm gia tăng nguy cơ trẻ em và người chưa thành niên trở thành LĐTE và bị mua bán và bóc lột sức lao động. Trong đại dịch, điều kiện tiếp cận các dịch vụ giáo dục, an sinh xã hội ở miền núi, vùng sâu, vùng xa càng bị hạn chế hơn so với vùng đô thị, HS ở khu vực này có nguy cơ bỏ học và trở thành LĐTE có xu hướng cao hơn.

2.3. Hậu quả của lao động trẻ em

a) Hậu quả đối với bản thân trẻ em

- *Mất cơ hội có việc làm tốt, thu nhập cao, bền vững.* Không được tiếp tục học tập tại trường để có trình độ học vấn cao hơn; không được đào tạo nghề để có kiến thức, kỹ năng của nghề nghiệp; không tích lũy được kinh nghiệm nhiều hơn trước khi tham gia lao động. Khi chưa tốt nghiệp THPT thì ít có cơ hội được tuyển vào làm ở các doanh nghiệp có thu nhập tốt, nhất là doanh nghiệp có yêu cầu về khoa học, công nghệ ngày càng cao, hiện đại, đảm bảo nhu cầu của hội nhập. Đối

với các doanh nghiệp có hàng xuất khẩu hoặc có yếu tố nước ngoài và các doanh nghiệp ở khu vực nhà nước, doanh nghiệp lớn thì sẽ phải chấp hành luật pháp và không tuyển dụng LĐTE. Như vậy, LĐTE chỉ còn được sử dụng ở khu vực sản xuất, kinh doanh tư nhân hoặc làm nghề tự do. Do đó các em sẽ mất đi cơ hội có việc làm tốt, thu nhập cao hơn khi có trình độ học vấn thấp, đặc biệt là khi chưa tốt nghiệp THCS.

- *Dễ bị tai nạn thương tật trong lao động.* Tham gia lao động sớm khi chưa qua đào tạo nghề, chưa có kinh nghiệm sống, sức khoẻ thể chất còn non nớt, hạn chế, thiếu kinh nghiệm trong lao động, nhiều khi phải làm việc quá sức nên dễ bị tai nạn thương tật do tai nạn lao động và trong cuộc sống hàng ngày, dễ bị tổn thương tâm lý và bị ảnh hưởng lâu dài tới tiềm năng phát triển của các em. Từ đây, để lại cho gánh nặng không chỉ cho gia đình, mà còn cho cả xã hội khi phải chăm sóc y tế, dịch vụ xã hội và mất đi một phần của nguồn nhân lực đất nước.

- *Dễ bị bạo lực, tệ nạn xã hội.* Rất nhiều trẻ em phải sống xa gia đình, ít có sự hỗ trợ từ gia đình, người thân nên dễ bị lôi kéo, sa ngã, tham gia bạo lực và bị bạo lực, dễ sa vào tệ nạn xã hội. Do thiếu kiến thức, trong đó có kiến thức về pháp luật, ít có cơ hội học hỏi thêm về pháp luật nên dễ phạm tội một cách hồn nhiên.

- *Dễ trở thành nạn nhân của mua bán người, xâm hại và bóc lột tình dục, nhiễm bệnh tật (HIV/AIDS, các bệnh xã hội).* Nhận thức, hiểu biết về bản thân, xã hội của các em còn chưa đầy đủ kiến thức cơ bản khi bỏ học, chưa tốt nghiệp THPT hoặc cơ sở đào tạo nghề. Từ đó, vì mưu sinh, muốn kiếm nhiều tiền hơn nên các em dễ bị trở thành nạn nhân của nạn mua bán người, xâm hại; bóc lột tình dục và dễ bị lây lan bệnh tật.

- *Dễ bị bóc lột sức lao động, hành hạ thể chất, tinh thần.* Do bỏ học sớm, không có sự hỗ trợ, giám sát của gia đình, người thân nên dễ chấp nhận, đành phải chấp nhận lao động với tiền công rất thấp, thậm chí không được trả công, bị làm việc quá sức, bị hành hạ, bị bóc lột thậm tệ. Bản thân các em không tự tìm được cách thoát ra khỏi tình trạng đó do thiếu hiểu biết pháp luật, thiếu nhận thức được quyền của trẻ em, quyền của bản thân do không có cơ hội tiếp cận điều này vì đã bỏ học sớm.

- *Cuộc sống gia đình trong tương lai khó khăn.* Một số trẻ em, khi vừa mới trưởng thành đã sớm xây dựng cuộc sống gia đình riêng, có con và nuôi con với thu nhập ít ỏi, rơi vào vòng luẩn quẩn vì mưu sinh khi còn khá trẻ, hạn chế sự phát triển của bản thân và ít có điều kiện hỗ trợ cho con sau này. Khi bỏ học, đa số trẻ em chỉ có thu nhập thấp và không có cải thiện hơn, do đó khi xây dựng gia đình thì sẽ càng khó khăn hơn khi có con, nuôi con và tương lai cũng rất khó được cải thiện tốt hơn.

- *Ảnh hưởng xấu tới sức khỏe thể chất, sức khỏe tinh thần và nhân cách đạo đức của nạn nhân.* Do cơ thể còn chưa phát triển đầy đủ, kinh nghiệm còn rất hạn chế nên khi tham gia lao động quá sức, đặc biệt là làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thì rất dễ bị tổn hưởng, ảnh hưởng xấu đến sự phát triển về thể chất, tâm lý, khả năng nhận thức, đạo đức của người chưa thành niên.

b) Hậu quả đối với gia đình, cộng đồng, quốc gia

- *Gia tăng tình trạng đói nghèo, thất nghiệp trong gia đình, cộng đồng.* Do phải nghỉ học sớm, không được đào tạo kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cơ bản, cần thiết nên thường làm các công việc giản đơn, thu nhập thấp và ít có cơ hội tăng thu nhập, khó tìm được việc làm có thu nhập cao. Từ đó dẫn đến bản thân, gia đình, cộng đồng vẫn trong tình trạng nghèo đói.

- *Ảnh hưởng đến nguồn nhân lực quốc gia.* Về lâu dài, tình trạng LĐTE có ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nhân lực quốc gia. Lao động trẻ em chủ yếu là lao động chân tay, lao động giản đơn ngày càng không phù hợp trong quá trình phát triển của Cách mạng 4.0 và hội nhập, nhất là trong quá trình chuyển đổi số hiện nay đang diễn ra ở nhiều quốc gia.

3. Vai trò của nhà trường

Một trong 05 nhóm giải pháp bản để phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE của Chính phủ là: Thực hiện phổ cập giáo dục phổ thông, chính sách xóa mù chữ và các chính sách bảo đảm công bằng về tiếp cận giáo dục cho trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em khuyết tật, trẻ em trong các hộ gia đình nghèo và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác. Tài liệu này sẽ tập trung phân tích vai trò của nhà trường trong việc thực hiện giải pháp này.

3.1. Trang bị kiến thức, kỹ năng, nâng cao nhận thức

Thông tin, tuyên truyền: Một trong những nhiệm vụ của ngành GDĐT là thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, tổ chức thực hiện các văn bản quy pháp pháp luật, các chương trình quốc gia về các vấn đề có liên quan đến giáo dục trẻ em, HS. Phòng ngừa LĐTE được Chính phủ khẳng định và chỉ đạo cụ thể trong “Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030” (Quyết định số 782/QĐ-TTg ngày 27/5/2021). Do đó các cấp quản lý giáo dục, các cơ sở giáo dục đều phải triển khai thực hiện công tác phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị. Trong nội dung thông tin, tuyên truyền thì tuyên truyền về Quyền trẻ em cần được đặc biệt chú trọng. Nhà trường có ưu thế trong việc tuyên truyền về quyền trẻ em và giáo dục kiến thức, kỹ năng cơ bản về thực hiện

quyền trẻ em, trong đó có Quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu. Để đảm bảo thực hiện Quyền này, nhà trường cần phải cung cấp cho trẻ em, HS những kiến thức cơ bản nhất, cách nhận biết về LĐTE để phòng ngừa nguy cơ các em phải lao động làm ảnh hưởng xấu tới quá trình học tập, thậm chí phải bỏ học để tham gia lao động. Hiện nay, Bộ GDĐT đặt ra mục tiêu trong giai đoạn 2021-2030 là tỉ lệ trẻ em mẫu giáo 5 tuổi đến trường trên 98%, HS trong độ tuổi TH trên 97%, học sinh THCS trên 95%. Như vậy, nếu tuyên truyền cho số trẻ em, HS TH, THCS với tỷ lệ như trên thì đã đảm bảo cho trên 95% trẻ em có được những kiến thức, kỹ năng về phòng ngừa LĐTE để các em có thể tự bảo vệ bản thân, tự quyết định việc tham gia lao động của mình.

Giảng dạy, tổ chức hoạt động giáo dục: Một trong các nhiệm vụ của cơ sở giáo dục là tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục theo mục tiêu, chương trình giáo dục. Phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE là một trong các chương trình mục tiêu quốc gia. Vì vậy, ở cơ sở giáo dục cần phải tổ chức tuyên truyền, giáo dục cho toàn bộ HS về phòng ngừa LĐTE và phối hợp với gia đình, xã hội hỗ trợ đối với các trường hợp HS tham gia lao động trái với quy định của luật pháp.

Dựa vào ưu thế của nhà trường: Nhà trường có ưu thế là nơi dạy cho trẻ em, HS những kiến thức cơ bản, chuẩn mực, dạy một số kỹ năng sống cơ bản nhất, trong đó có kỹ năng tự bảo vệ bản thân, phòng ngừa bạo lực, tội phạm. Trẻ em, HS ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa có mật độ dân cư thưa thớt, khoảng cách các hộ gia đình xa nhau, nhiều khi ở biệt lập nên rất hạn chế về kiến thức, kỹ năng phòng ngừa LĐTE. Khi tham gia lao động mà vượt quá khả năng, sức lực, làm ảnh hưởng xấu đến quá trình học tập, thậm chí phải bỏ học để tham gia lao động thì hầu hết các em cho đó là do hoàn cảnh của gia đình và chấp nhận bỏ học để tham gia lao động. Nếu các em được nhà trường giáo dục kiến thức, kỹ năng phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE và với sự trợ giúp của nhà trường, chính quyền địa phương, các tổ chức, đơn vị, nhà hảo tâm thì cơ hội tiếp tục học tập vẫn có thể được mở ra.

3.2. Phát hiện, phối hợp xử lý trường hợp bỏ học để tham gia lao động

a. Nhà trường có khả năng phát hiện học sinh có nguy cơ trở thành LĐTE

Thời gian lưu trú ở trường của HS là khá nhiều, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát hiện nguy cơ bỏ học để tham gia lao động. Nhìn chung, hàng ngày thời gian học sinh ở trường là khá nhiều, chỉ sau số thời gian ở nhà. Trong quá trình đó, nhiều biểu hiện có liên quan đến việc lao động quá sức, nguy cơ bỏ học sẽ được bộc lộ dưới nhiều góc độ khác nhau. Theo nhiệm vụ, GV chủ nhiệm ở TH đồng thời là GV dạy hầu hết các môn học nên có thể quan sát được mọi hoạt động của

HS trong giờ học, từ đó dễ dàng phát hiện ra sự thay đổi của các em. Ở cấp THCS, THPT, GV chủ nhiệm là người gần gũi HS, có thể phát hiện sự thay đổi bất thường của HS thông qua trực tiếp quan sát, GV bộ môn và hệ thống cán bộ lớp, cán bộ Đội Thiếu niên, Đoàn Thanh niên, các tổ chức tự quản của HS.

Nhiều lực lượng với số lượng đông có thể tham gia giám sát, phát hiện nguy cơ bỏ học, tham gia lao động trái quy định của luật pháp. Nhà trường có lực lượng đông đảo CBQL, GV, NV và đặc biệt là của HS cùng trang lứa, nhất là HS cùng học tập trong một lớp, cùng đi trên quãng đường đi học, cùng địa bàn cư trú có thể thường xuyên giám sát, hỗ trợ lẫn nhau. Nếu nhà trường có biện pháp để HS hỗ trợ, giúp đỡ nhau thì sẽ không khó để phát hiện ra HS có nguy cơ cao bị làm việc quá sức hoặc có nguy cơ bỏ học để tham gia hoạt động kinh tế. Trong quá trình tổ chức quản lý, nếu thấy có trường hợp HS tham gia lao động trái luật pháp, có nguy cơ bỏ học thì nhà trường có thể chủ động phối hợp với gia đình HS, các lực lượng trên địa bàn để hỗ trợ, giúp đỡ các em tiếp tục duy trì học tập.

b. Dấu hiệu nhận biết nguy cơ bỏ học, tham gia lao động

- Một số hoàn cảnh, biểu hiện của nguy cơ trở thành LĐTE:

+ Học sinh ở trong gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, hay nghỉ học để phụ giúp công việc gia đình, kinh tế gia đình, đặc biệt là HS thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo (theo chuẩn nghèo địa phương).

+ Gia đình HS có sự cố bất thường ảnh hưởng đến kinh tế, HS thường hay phải nghỉ học để trợ giúp.

+ Học sinh không ở cùng cha mẹ hoặc ở trong tình trạng thiếu sự quan tâm của cha mẹ, gia đình (ly hôn, khủng hoảng trong gia đình), đặc biệt là HS không nơi nương tựa.

+ Kết quả chuẩn bị bài, kiểm tra, thi ở các môn học không cao, thậm chí kém bất thường, ít tham gia hoạt động tập thể bất thường.

+ Học sinh hay vắng mặt, nghỉ học, nhất là nghỉ học không có lí do.

+ Học sinh có học lực kém, chán học.

+ Học sinh hay đua đòi và có những hành vi bất thường, muốn tự khẳng định bản thân sớm, bỏ học.

+ Học sinh có thái độ kém vui, hay tỏ ra buồn rầu, ít hoà đồng với bạn bè bất thường.

+ Học sinh có anh, chị, em đã hoặc đang là lao động trái pháp luật.

+ Học sinh là nạn nhân của vụ mua bán người.

Một số công việc mà trẻ em thường tham gia, cụ thể là:

+ Trồng trọt, chăn nuôi; sản xuất, chế biến rau quả, thực phẩm; khai thác lâm sản; khai thác, chế biến, nuôi trồng thủy sản;

+ May trang phục, giày dép;

+ Sản xuất đồ tre, gỗ (tủ, bàn ghế, thủ công mỹ nghệ);

+ Xây dựng;

+ Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy, ô tô;

+ Phụ giúp bán hàng tạp hoá, nhà hàng, dịch vụ ăn uống; bán vé số, đánh giày, bán hàng rong ... (Nguồn: Bộ LĐTBXH).

- Dấu hiệu nhận biết công việc cụ thể của LĐTE:

+ Một số việc làm công khai, dễ phát hiện:

* Làm các việc vặt, dịch vụ: Đánh giày, bán hoa, bồi bàn, rửa bát, quét dọn trong nhà hàng/khách sạn; nhạc công, vũ công, diễn viên trong các đoàn ca múa/xiếc; ăn xin, giúp việc, phụ xe trên phương tiện giao thông; trông nom, bảo vệ trang trại, chăn thả gia súc...

* May mặc; khâu bóng đá; cơ khí; sản xuất đồ gỗ; làm việc trong các hiệu sửa chữa nhỏ như sửa chữa xe máy; giúp việc trong cửa hàng; bán thức ăn nhanh; làm thuê trong các đồn điền/trang trại ...

* Làm dịch vụ ở khu vực đông người: Rửa/trông xe ô tô/xe máy, bán hàng dạo, khuân vác, vệ sinh, thu ngân ở chợ, vận chuyển nguyên vật liệu trên đường/trong công trình xây dựng ...

+ Một số việc làm không công khai, khó phát hiện:

* Giúp việc gia đình, làm việc trong cơ sở sản xuất của gia đình; tự kiếm sống bằng cách săn bắn, đánh bắt cá, công việc nông nghiệp khác ...

* Tham gia buôn lậu, sản xuất, buôn bán ma tuý, hoạt động mại dâm, khiêu dâm ...

* Làm việc trong các lò gạch, mỏ khai thác đá/khoáng sản, cơ sở đóng tàu; làm công nhân hoặc học việc trong các cơ sở sản xuất gốm, kính, sắt, nhựa, kim hoàn, chế biến thực phẩm, dệt vải hoặc các thảm truyền thống; làm việc trong các cơ sở sản xuất diêm, pháo hoa, thuốc nổ, trên tàu, thuyền đánh cá (nguồn Bộ LĐTBXH) ...

c. Dấu hiệu nhận biết lao động trẻ em

Để dễ nhận biết, đơn giản hoá hơn trong việc nhận biết các công việc của người chưa thành niên là LĐTE, có thể tiếp cận theo các chỉ số tổng hợp của lứa tuổi, thời gian làm việc, công việc (theo hướng dẫn của Bộ LĐTBXH) như sau:

Ngoại trừ người chưa thành niên làm công việc nội trợ của hộ gia đình hoặc công việc vặt ở nhà trường hoặc làm công việc nông nghiệp không nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm ở những cơ sở gia đình/cơ sở quy mô nhỏ, không thường xuyên sử dụng người lao động làm công ăn lương, sản xuất cho thị trường địa phương thì người chưa thành niên tham gia lao động trong các trường hợp sau đây là trái quy định luật pháp (là LĐTE):

- Trẻ em từ đủ 5 tuổi đến chưa đủ 13 tuổi

Tham gia lao động từ 01 giờ trở lên vào bất kỳ ngày nào trong tuần tham chiếu (tuần tham chiếu là khoảng thời gian 07 ngày tính từ thời điểm thu thập thông tin trở về trước) hoặc từ 05 giờ trở lên trong cả tuần tham chiếu đối với bất kỳ công việc và hoạt động kinh tế nào, trừ các công việc nghệ thuật, thể dục, thể thao nhưng không làm tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực và nhân cách của người chưa đủ 13 tuổi và phải có sự đồng ý của Sở LĐTBXH.

- Trẻ em từ đủ 13 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi

Tham gia lao động từ 04 giờ trở lên vào bất kỳ ngày nào trong tuần tham chiếu hoặc từ 20 giờ trở lên trong cả tuần tham chiếu; làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm.

- Người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi

Tham gia lao động từ 08 giờ trở lên vào bất kỳ ngày nào trong tuần tham chiếu hoặc từ 40 giờ trở lên trong cả tuần tham chiếu đối với bất kỳ công việc và hoạt động kinh tế nào; làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm (trừ trường hợp người từ đủ 15 đến chưa đủ 18 tuổi được làm việc thêm giờ, làm việc ban đêm trong một số nghề, công việc theo danh mục quy định tại Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH).

- Người từ đủ 15 đến chưa đủ 18 tuổi

Tham gia công việc thuộc danh mục công việc và nơi làm việc cấm sử dụng lao động từ đủ 15 đến chưa đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Lao động 2019 và Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH.

3.3. Phối hợp tuyên truyền vận động, hỗ trợ học sinh tiếp tục học tập tại trường

Phối hợp tuyên truyền, vận động trẻ em đã nghỉ học trở lại trường học tập

Ngay trước khi học sinh bỏ học, khi nhà trường phát hiện ra nguy cơ bỏ học thì cần phải tìm hiểu, trao đổi ngay với gia đình để tìm hiểu nguyên nhân. Khi HS đã nghỉ học nhiều ngày, thậm chí đã bỏ học thì nhà trường cần có biện pháp phối hợp với gia đình để vận động các em quay trở lại trường học tập.

Nhà trường phối hợp với chính quyền, đoàn thể, tổ chức, đơn vị, nhà hảo tâm tại địa phương để hỗ trợ, giúp đỡ tạo điều kiện cho HS trở lại trường học tập. Chính quyền địa phương cùng tất cả các tổ chức, đơn vị, gia đình HS đều có nhiệm vụ vận động, khuyến khích, tạo điều kiện để trẻ em trong độ tuổi được đến trường học tập. Khi có trường hợp nghỉ học thường xuyên hoặc dài ngày, nhà trường cần thông tin, kết nối ngay với người làm công tác xã hội của Ủy ban nhân dân cấp xã để phối hợp xử lý kịp thời.

Tiếp nhận, hỗ trợ lao động trẻ em trở lại học tập tại trường

Nhà trường tạo điều kiện giúp đỡ HS trong học tập sau khi các em trở lại trường tiếp tục học tập. Nhà trường có kế hoạch hỗ trợ học tập đối với từng trường hợp HS khi trở lại học tập cho đến khi HS đó học tập bình thường.

Tạo sân chơi thu hút HS, đặc biệt là động viên khuyến khích HS vừa trở lại trường học tập đó tham gia.

3.4. Hỗ trợ nâng cao nhận thức của cha mẹ học sinh về lao động trẻ em

- Phối hợp với cha mẹ học sinh

Nhà trường chủ động phối hợp với cha mẹ HS thông qua các cuộc họp với cha mẹ HS để thống nhất kế hoạch duy trì học tập của HS. Tuy nhiên, một số cha mẹ HS, nhất là những cha mẹ HS có hoàn cảnh khó khăn thường vắng mặt trong các cuộc họp này, không tham gia vào các hoạt động mà nhà trường có mời tham dự, thậm chí rất ít khi cho con tham gia các hoạt động ngoại khóa. Do đó, nhà trường cần phải dùng các hình thức khác để trao đổi thông tin với họ.

- Phối hợp với xã hội

Nhà trường phối hợp với chính quyền, đoàn thể, tổ chức để nâng cao nhận thức của cha mẹ HS về phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE. Nhà trường phối hợp với địa phương (người trực tiếp là nhân viên/cán bộ làm công tác xã hội của Ủy ban nhân dân cấp xã) để xác định những trường hợp trẻ em chưa đi học, HS đã bỏ học,

đặc biệt là HS có nguy cơ bỏ học để cùng thống nhất các phương án tuyên truyền, vận động, hỗ trợ hiệu quả để trẻ em được theo học.

- Chủ động xây dựng kế hoạch, xử lý kịp thời

Trong một số trường hợp HS có nguy cơ bỏ học, nhà trường cần có kế hoạch cụ thể để trao đổi với cha mẹ HS để tìm hiểu nguyên nhân và vận động để HS tiếp tục đi học; phối hợp với những người có khả năng thuyết phục, tạo điều kiện giúp HS tiếp tục học tập như trưởng dòng họ, già làng, trưởng thôn bản, buôn ấp, khu phố, người thân, người được tin tưởng, được coi là có hiểu biết hơn, HS thân quen ... để cùng vận động, thuyết phục. Đồng thời báo cáo với chính quyền, đoàn thể, để cùng tìm cách tháo gỡ khó khăn, trong đó có khó khăn về kinh tế và hỗ trợ tinh thần cho HS tiếp tục học, không bỏ học, vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Huy động sức mạnh tổng thể của các lực lượng trong nhà trường

Phát huy vai trò, lòng nhân ái, ý chí quyết tâm của CBQL GV NV nhà trường, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số trong việc nâng cao nhận thức, ý chí vươn lên thoát nghèo của HS, gia đình, họ hàng, làng bản, thôn xóm, cộng đồng.



GV Nàng Xô Vi (Trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Kon Tum, Đại biểu Quốc hội khóa XV, dân tộc Brâu) và HS cùng xác định việc học có thể làm thay đổi cuộc sống (Nguồn Vietnamnet, 11-6-2021, Ảnh NVCC).

PHẦN THỨ HAI
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU
LAO ĐỘNG TRẺ EM CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em

1.1. Nâng cao nhận thức và năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường

- Nâng cao nhận thức

Hiện nay, nhiều người chưa hiểu biết đầy đủ về khái niệm LĐTE. Do đó, để có nhận thức đầy đủ về LĐTE thì CBQL GV NV của cơ sở giáo dục cần phải được tuyên truyền và tự nghiên cứu để nâng cao nhận thức. Đó là điều kiện bắt buộc khi tuyên truyền, giáo dục cho trẻ em, HS về vấn đề này. Ở cơ sở giáo dục thì bản thân mỗi CBQL GV NV còn phải hiểu kỹ càng, thấu đáo hơn về vai trò, lợi ích của việc học tập ở trường phổ thông, cũng như hậu quả, tác hại của việc bỏ học, không học hết chương trình giáo dục phổ thông nói chung, đặc biệt là bỏ học khi chưa tốt nghiệp THCS (cấp học phổ cập bắt buộc) để tham gia lao động. Do đó, cần phải nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng về phòng ngừa LĐTE cho CBQL GV NV nhà trường để từ đó mới đảm bảo được việc thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục cho HS về vấn đề này.

- Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện

Hiện nay, vấn đề tổ chức thực hiện phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE thông qua cơ sở giáo dục đang được triển khai theo sự chỉ đạo của ngành và của chính quyền địa phương. Nhiều địa phương đã có Kế hoạch thực hiện Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật (theo Quyết định số 782/QĐ-TTg ngày 27/5/2021).

Ngành GDĐT phối hợp với ngành LĐTBXH để xây dựng tài liệu, tập huấn nâng cao năng lực cho CBQL GV NV trong cơ sở giáo dục về công tác phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE thông qua trường học. Bản thân mỗi cơ sở giáo dục, mỗi CBQL GV NV cũng cần chủ động nghiên cứu các văn bản luật, quy phạm pháp luật và tài liệu hướng dẫn có liên quan để triển khai thực hiện. Đồng thời, mỗi cơ sở giáo dục cần bám sát sự chỉ đạo của Chính quyền địa phương để thực hiện công tác phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE cho phù hợp với yêu cầu và điều kiện tại địa bàn.

1.2. Giáo dục nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng thúc đẩy tính chuyên cần, phòng ngừa bỏ học, phòng chống lưu ban cho học sinh

- *Tuyên truyền:* Tổ chức tuyên truyền, giáo dục trẻ em, HS về tác hại của LĐTE; biết được dấu hiệu thể hiện của trường hợp LĐTE. Kết hợp với chương trình phòng chống tội phạm, bạo lực học đường, xâm hại trẻ em để phòng ngừa việc trẻ em, HS bị bắt cóc, mua bán, trong đó có nguyên nhân vì mục đích kinh tế.

- *Giáo dục kỹ năng:* Tuyên truyền, giáo dục kỹ năng sống, trong đó chú trọng kỹ năng nhận biết bản thân; kỹ năng tự bảo vệ bản thân trong các tình huống có nguy cơ bị bắt cóc, bị bắt lao động quá sức, lao động làm ảnh hưởng xấu tới quá trình học tập; kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ trong tình huống khẩn cấp.

- *Tuyên truyền về hậu quả của bỏ học:* Tuyên truyền về hậu quả của việc không học tập chuyên cần dẫn đến phải lưu ban hoặc bỏ học. Lòng ghép tuyên truyền về Quyền trẻ em để trẻ em, HS biết được quyền được học tập của các em. Đồng thời tuyên truyền cho trẻ em, HS về lợi ích của việc học tập tại cơ sở giáo dục và sự cố gắng, tích cực của người học sẽ quyết định tương lai của mỗi người.

2. Xây dựng, thực hiện các bước tiến hành trong phát hiện, phối hợp phòng ngừa, can thiệp, hỗ trợ học sinh trước, trong, sau khi bỏ học để tham gia lao động

2.1. Các bước trong phát hiện nguy cơ trước khi học sinh bỏ học

Cách phát hiện nguy cơ học sinh trở thành LĐTE trước khi bỏ học có thể gồm các bước sau:

Bước 1. Rà soát hoàn cảnh gia đình học sinh

Rà soát hoàn cảnh gia đình HS, học lực và tính cách của HS hoặc các vấn đề HS đang gặp phải khiến các em có nguy cơ bỏ học. Phân loại HS có nguy cơ bỏ học, trong đó có HS bỏ học để tham gia lao động để có giải pháp hỗ trợ.

Giáo viên chủ nhiệm là người có trách nhiệm và có điều kiện gần gũi HS hơn nên cần phải phối hợp với gia đình, HS để tìm hiểu hoàn cảnh gia đình mỗi HS để từ đó phân loại theo khả năng có nguy cơ bỏ học để tham gia lao động.

Bước 2. Xây dựng và ứng phó hiệu quả với các tình huống cụ thể

Xây dựng các biện pháp hỗ trợ đối với từng HS có nguy cơ cao; tuyên truyền với các nhóm HS có nguy cơ trung bình; khuyến khích nhóm HS có nguy cơ thấp tuyên truyền, giúp đỡ các có nguy cơ bỏ học cao.

Cần tập trung vào nhóm HS có nguy cơ bỏ học cao để tuyên truyền, giáo dục, vận động, khuyến khích các em cố gắng vươn lên để tiếp tục học tập thông qua nhiều kênh khác nhau như tuyên truyền thông qua các bài giảng có liên quan

ở các môn học, các hoạt động giáo dục của nhà trường tổ chức; thông qua sự hỗ trợ của các nhóm HS; thông qua công tác tư vấn, tham vấn của Tổ tư vấn tâm lý học đường, phòng tư vấn tâm lý học đường

Bước 3. Phát hiện sớm học sinh có nguy cơ bỏ học để tham gia lao động

Thông qua các nhóm HS cư trú trên cùng địa bàn (chia các HS thành từng nhóm nhỏ theo địa bàn cư trú hoặc cùng đường đi học, nhóm HS cùng hoạt động trong các câu lạc bộ, hoạt động tập thể, tổ cùng tiến/đôi bạn cùng tiến của mỗi lớp) để phát hiện ra HS bỏ học để tham gia lao động. Trong quá trình thực hiện chống lưu ban, bỏ học, ở nhiều nơi có quy định: Nếu nghỉ học 01 ngày thì GV chủ nhiệm phải biết, nghỉ 02 ngày thì Hiệu trưởng phải biết, nghỉ 03 ngày trở lên thì có thể kết nối thông tin với cán bộ làm công tác xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã để phối hợp xử lý. Đồng thời qua các kênh thông tin khác ở trong và ngoài nhà trường để thông tin đến GV chủ nhiệm và có biện pháp xử lý kịp thời.

2.2. Các bước trong thực hiện khi học sinh bắt đầu nghỉ học

Xây dựng và thực hiện các bước phối hợp hỗ trợ, can thiệp khi HS đã bắt đầu nghỉ học để tham gia lao động trái quy định pháp luật gồm các bước sau:

Bước 1. Tìm hiểu nguyên nhân HS bỏ học để tham gia lao động đối với từng trường hợp

Giáo viên chủ nhiệm tìm hiểu, xác minh nguyên nhân của mỗi trường hợp HS nghỉ học nhiều ngày (thường là quá 3 ngày), đặc biệt là những HS: Có nguy cơ nghỉ học để tham gia lao động; gia đình có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế; hay nghỉ học không có lý do; lý do thường lặp đi lặp lại (ốm, ở nhà trông em, ở nhà phụ giúp gia đình, nhà có việc bận); tự viết giấy xin phép nghỉ học...

Bước 2. Xây dựng kế hoạch phối hợp hỗ trợ, can thiệp đối với từng trường hợp HS bỏ học để tham gia lao động

Sau khi xác định được HS nghỉ học để tham gia lao động thì cần làm rõ lý do trực tiếp làm HS nghỉ học, ví dụ như do: Phụ giúp gia đình về kinh tế (làm nương rẫy, làm ruộng, đánh bắt cá, hải sản, bán hàng...); gia đình gặp sự cố về kinh tế (mất mùa, người thân mất, thiếu hụt sức lao động); ở nhà học nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống gia đình; học yếu kém nên chán học, bỏ học để đi làm; bị bạn bè lôi kéo đi làm để có thu nhập, khẳng định bản thân; lười học, ngại học, sợ học vì học yếu kém, bị nhiều người quở mắng; di cư theo gia đình để mưu sinh; ham chơi (chơi games, vui chơi ở các lễ hội rồi quên luôn việc đi học)...

Bước 3. Thực hiện kế hoạch đã được sự đồng thuận của các bên liên quan

Đối với mỗi trường hợp bỏ học cụ thể, cần phải có cách xử lý riêng với sự phối hợp của gia đình, chính quyền, đoàn thể, tổ chức, thậm chí cả cá nhân có uy tín đối với HS, gia đình (già làng, trưởng thôn/bản, họ hàng, người thân ...) để động viên, phân tích, hỗ trợ (vật chất, tinh thần) đối với cha mẹ, HS để họ nâng cao nhận thức và quyết tâm đầu tư cho việc học tập, thoát nghèo bền vững cho cá nhân, gia đình, cộng đồng. Trong quá trình vận động, phải linh hoạt, khéo léo, áp dụng những phương pháp, cách tiếp cận phù hợp, hiệu quả để đạt được hiệu quả cao. Đặc biệt, cần phải hết lòng vì tương lai HS, có quyết tâm và biện pháp thuyết phục, hiệu quả.



Thầy giáo Ninh Văn Dậu (bên trái), THPT Đinh Tiên Hoàng, xã la Hdreh, Krông Pa, Gia Lai, vận động và đón học sinh Ksor Gôl từ rẫy về trường học tập (Báo Lao động, 18/10/2017, Ảnh NVCC).

2.3. Các bước trong thực hiện tiếp nhận khi học sinh trở lại học tập tại trường

Xây dựng và thực hiện các bước tiếp nhận, tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ hiệu quả LDTE trở lại học tập tại trường gồm các bước sau:

Bước 1. Tìm hiểu nguyên nhân bỏ học, trở lại tiếp tục học tại trường, nguyện vọng, điều kiện tiếp tục học tập tại trường hoặc học nghề

Xác định nguyên nhân bỏ học để có cách hỗ trợ về kiến thức, tâm lý phù hợp với từng trường hợp, ví dụ như do: học yếu kém; học không yếu kém nhưng ham chơi, bị bạn bè rủ rê đi làm, muốn tự lập sớm để khẳng định bản thân, phụ giúp công việc gia đình; tảo hôn; ...

Nếu HS không muốn tiếp tục đi học tại trường mà có nguyện vọng học nghề thì nhà trường cần hướng dẫn, kết nối, tạo điều kiện cho HS theo học nghề phù hợp. Tuy nhiên, trong trường hợp HS chưa đạt yêu cầu về kiến thức phổ thông (chưa học hết THCS) thì cần động viên, hỗ trợ các em tiếp tục hoàn thành chương trình học, sau đó sẽ học nghề.

Bước 2. Khi thực hiện phương án tiếp tục học tập tại trường, đánh giá lại kiến thức đã tiếp thu được của học sinh để bố trí vào lớp học phù hợp

Dù bỏ học vì lý do gì thì đã nghỉ học một thời gian nên phải có kế hoạch phụ đạo riêng cho mỗi trường hợp cho đến khi học tập bình thường. Cần kiểm tra lại kiến thức hiện có của HS, xác định còn thiếu, còn yếu kiến thức ở những phần nào của mỗi môn để có cách hỗ trợ, tùy thuộc vào khả năng tiếp thu của mỗi em.

Bước 3. Xây dựng kế hoạch hỗ trợ về kiến thức, tâm lý, định hướng học tập cho HS

Cùng với kiểm tra lại kiến thức thì cần phải xem các vấn đề về tâm lý của HS. Giáo viên chủ nhiệm phối hợp với nhân viên/GV kiêm nhiệm công tác tư vấn tâm lý xác định những vấn đề cần tư vấn, tham vấn tâm lý, xã hội cho từng trường hợp. Kế hoạch hỗ trợ này cần báo cáo và được sự chấp nhận của Hiệu trưởng (hoặc Phó Hiệu trưởng được uỷ quyền). Khi HS trở lại học tập, CBQL, GV chủ nhiệm, GV bộ môn, NV có liên quan phải tạo ra không khí chào đón HS trở lại học tập, không được thờ ơ hoặc không quan tâm. Không khí này cần được GV chủ nhiệm quán triệt và đi tới đồng thuận cho toàn bộ lớp HS mà em đó sẽ tiếp tục học tập. Việc hỗ trợ tâm lý, kiến thức cho HS cần huy động và có sự tham gia tự nguyện của các bạn HS cùng lớp. Giáo viên chủ nhiệm đề nghị Hiệu trưởng phân công GV đỡ đầu mỗi HS quay trở lại học tập; đồng thời phân công HS (khoảng 02 HS) có học lực tốt hoặc khá và có khả năng động viên để cùng giúp bạn theo tinh thần tự nguyện.

Bước 4. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá kết quả của việc hoà nhập trong học tập của học sinh cho đến khi học tập, sinh hoạt bình thường

Sau một thời gian (thường là sau 01 tuần/01 tháng/01 học kỳ) cần đánh giá lại kết quả hỗ trợ, tìm hiểu mức độ tái hoà nhập học tập, vui chơi, tham gia các hoạt động tập thể của HS. Cần điều chỉnh (nếu cần) để có cách làm hiệu quả hơn. Trong quá trình hỗ trợ ở trường, cần phối hợp với gia đình, chính quyền, đoàn thể, tổ chức, cá nhân ở ngoài trường để kết quả tái hoà nhập ở trường học được bền vững.

3. Tích hợp phòng ngừa LĐTE trong công tác giáo dục lao động, hướng nghiệp, phân luồng

Vấn đề giáo dục lao động, hướng nghiệp, phân luồng HS TH, THCS đều có mục đích chung là giúp người học tự nhận thức được bản thân để định hướng học tập và tìm kiếm việc làm cho phù hợp với khả năng của bản thân và nhu cầu lao động xã hội. Các hoạt động này đang là nhiệm vụ của cơ sở giáo dục và có thể tích hợp việc phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE trong các công việc đó. Tuy nhiên, ở mỗi nội dung có những vấn đề được đặt ra khác nhau trong mối quan hệ với LĐTE.

3.1. Giáo dục lao động

Giáo dục lao động là hoạt động nhằm tác động một cách có hệ thống đến sự phát triển tinh thần, thể chất của người nào đó để làm cho họ dần có nhận thức, kiến thức, quan điểm, thái độ đúng đắn với lao động. Giáo dục lao động cùng với giáo dục đạo đức, giáo dục tri thức, giáo dục thẩm mỹ là các bộ phận cấu thành của giáo dục toàn diện. Giáo dục lao động cho HS phổ thông là giáo dục cho các em biết quý trọng các công việc có ích cho xã hội, bước đầu làm quen và dần có kỹ năng lao động giản đơn, biết phối hợp, hợp tác và thực hiện tính kỷ luật, trách nhiệm trong lao động. Thông qua giáo dục lao động, người học sẽ có được những kiến thức cơ bản về sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, hoạt động kinh tế và bước đầu có thể vận dụng các kiến thức đó vào cuộc sống hàng ngày.

Ngoài giờ học, HS cần phải tham gia lao động, vệ sinh trường lớp, chăm sóc cây xanh; làm một số việc vặt, phụ giúp công việc gia đình; tùy theo lứa tuổi, các em tham gia làm vệ sinh đường, ngõ ngách làng xóm, thôn bản, đường phố; tham gia lao động công ích ở địa phương để góp phần hình thành phẩm chất, năng lực, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của HS. Tuy nhiên, hiện nay áp lực bài vở, thi cử là khá nặng nề. Để đảm bảo hoàn thành chương trình giáo dục ở trường, các thầy giáo, cô giáo có nhiều biện pháp yêu cầu HS cần phải cố gắng tự học thì mới đáp ứng được. Đồng thời, một số bậc cha mẹ HS muốn con thi được vào trường có chất lượng cao, ngành học như kỳ vọng nên yêu cầu con phải theo học các lớp học thêm ngoài nhà trường, đặc biệt là các môn Tiếng Anh, Toán, Ngữ văn, Vật lí, Sinh học, Hoá học ... Hàng ngày, ở nhiều HS không có thời gian dành cho các công việc vặt trong gia đình. Do rất nhiều gia đình chỉ có 1 đến 2 con nên nhiều bậc cha mẹ không yêu cầu con phải làm việc phụ giúp gia đình mà chỉ cần chuyên tâm vào học. Ở nhiều trường, theo đề xuất của nhiều cha mẹ HS thì việc dọn dẹp vệ sinh ở trường đều thuê lao công, HS chỉ cần làm trực nhật ở trong lớp. Do đó, việc thực hành lao động của trẻ em, HS bị hạn chế đi rất nhiều.

Vấn đề giáo dục lao động và LĐTE có liên quan chặt chẽ với nhau. Việc tập trung vào các giải pháp có tính chất hành chính, quản lý để phòng ngừa LĐTE là cần thiết, góp phần ngăn chặn tình trạng LĐTE. Tuy nhiên, nếu xuất phát từ góc độ giáo dục để trang bị cho chính bản thân trẻ em, HS những kiến thức, kỹ năng, thái độ đúng đắn với lao động thì các em sẽ tự nhận biết được bản thân mình sẽ làm gì để tránh trở thành LĐTE. Khi có nhận thức đúng về lao động, HS sẽ nhận biết được lao động như thế nào là có hiệu quả nhất, biết được vai trò quan trọng của học vấn đối với lao động, nghề nghiệp tương lai của bản thân. Từ đó các em có khả năng tự mình biết được có nên bỏ học để tham gia lao động hay không. Điều này là quan trọng đặc biệt đối với HS vì từ đó các em có thể có cách khắc phục khó khăn để vượt qua cản trở trước mắt, hướng tới lao động có hiệu quả cao hơn cho bản thân trong tương lai.

Giáo dục lao động và hướng nghiệp có tác động hữu cơ với nhau. Giáo dục lao động là hoạt động cung cấp kiến thức, kỹ năng cho HS để các em có thể nhận thức được khả năng lao động của bản thân và xác định được những công việc mà bản thân có thể hướng tới để tích lũy kiến thức, kỹ năng cho nghề nghiệp tương lai. Khi có sự tư vấn, hỗ trợ của CBQL GV, NV chuyên trách, nhà tư vấn, doanh nghiệp, người am hiểu về nghề nghiệp thì công tác hướng nghiệp đối với HS trở nên dễ dàng hơn rất nhiều. Có thể nói, giáo dục lao động là phần cốt lõi của công tác hướng nghiệp, góp phần làm cho HS có nhận thức, kiến thức, ý thức, thái độ đúng đắn với lao động để từ đó chính các em có thể tự hướng nghiệp cho bản thân.

Giáo dục lao động và công tác phân luồng học sinh có sự gắn kết với nhau. Khi HS có được nhận thức, ý thức đúng về lao động thì tự bản thân các em sẽ quyết định được việc mình có thể học nghề sau khi tốt nghiệp THCS hay tiếp tục học ở cấp THPT. Khi đó, việc tư vấn hướng nghiệp, cũng như hướng phân luồng HS sẽ trở nên dễ dàng đối với HS.

3.2. Hướng nghiệp

Hướng nghiệp là hoạt động hỗ trợ cá nhân lựa chọn và phát triển nghề nghiệp phù hợp với khả năng của bản thân và nhu cầu của xã hội. Có quan niệm cho rằng hướng nghiệp là lựa chọn ngành nghề mà bản thân yêu thích. Điều này không sai, nhưng chưa đủ vì còn phải tính đến nhu cầu xã hội đối với ngành nghề đó ở thời điểm khi bản thân tốt nghiệp ra trường để khởi nghiệp với nghề đó. Đồng thời cũng phải tính đến khả năng đáp ứng về kinh tế và điều kiện theo học có đảm bảo được hay không. Trong ba yếu tố cấu thành hướng nghiệp thì người ta thường ưu tiên đáp ứng nhu cầu xã hội, sau đó mới tính đến điều kiện, hoàn cảnh bản thân để học nghề, theo nghề đó, cuối cùng mới tính đến sở thích cá nhân. Cũng có nhiều người

có ý chí quyết tâm để hướng tới nghề ưa thích, nhưng phải trải qua một thời gian dài, bằng nhiều cách khác nhau thì mới có thể đạt được điều đó. Hướng nghiệp là một quá trình diễn ra liên tục, ngay từ ở cấp học TH và sáng tỏ dần ở cấp THCS, THPT. Đó là quá trình lựa chọn, cân nhắc cùng với sự phát triển của năng lực bản thân và sự phát triển của nhu cầu xã hội, nhất là trong thời đại Cách mạng 4.0, hội nhập quốc tế.

Hướng nghiệp có quan hệ chặt chẽ với LĐTĐ. Nếu tổ chức hướng nghiệp tốt thì sẽ hạn chế được rất nhiều tình trạng HS bỏ học để tham gia lao động khi chưa tốt nghiệp THCS hoặc THPT. Khi HS xác định được đúng hướng nghề nghiệp dự định theo trong tương lai thì việc bỏ học giữa chừng sẽ được hạn chế đi rất nhiều. Các em sẽ cố gắng tốt nghiệp THCS để sau đó học nghề và sẽ khởi nghiệp bằng nghề được đào tạo ở cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Những HS xác định được cho bản thân là tiếp tục học để sau tốt nghiệp THPT sẽ lựa chọn nghề phù hợp hơn, tốt hơn thì sẽ rất ít khi bỏ học để tham gia lao động, khó trở thành LĐTĐ.

Hướng nghiệp và phân luồng sau THCS là hai cách nhìn khác nhau của cùng một vấn đề là giúp HS có được sự lựa chọn phù hợp nhất sau khi tốt nghiệp THCS. Khi thực hiện tốt công tác hướng nghiệp thì cũng chính là đạt được kết quả tốt về công tác phân luồng và ngược lại.

3.3. Phân luồng

Phân luồng trong giáo dục là các hoạt động giáo dục, tư vấn, hướng dẫn học sinh để hướng nghiệp cho các em sau khi tốt nghiệp THCS, THPT sẽ tiếp tục học ở cấp học/trình độ cao hơn, hoặc sẽ học trung cấp/học nghề hoặc lao động phù hợp với năng lực, điều kiện của bản thân; góp phần điều tiết cơ cấu ngành nghề của lực lượng lao động phù hợp với nhu cầu phát triển của đất nước. Phân luồng trong giáo dục có quan hệ chặt chẽ với việc phòng ngừa LĐTĐ. Khi thực hiện phân luồng tốt thì sẽ giảm thiểu rõ rệt tình trạng trẻ em tham gia lao động trái pháp luật. Bởi vì, khi HS đã chủ động lựa chọn theo phân luồng trong giáo dục thì họ sẽ có kế hoạch và có ý thức, ý chí quyết tâm để hạn chế tối đa phải bỏ học để tham gia lao động sớm.

Phân luồng là kết quả của việc giáo dục lao động, của hướng nghiệp. Ngược lại, phân luồng cũng giúp cho HS sớm thấy được thời cơ và dễ dàng tìm được việc làm ở quy hoạch chung về cơ cấu lao động, thị trường lao động trong phạm vi toàn quốc. Khi phân luồng phù hợp với điều tiết cơ cấu lao động thì sẽ tạo nên sự hài hoà, đồng bộ của lực lượng lao động và sử dụng hiệu quả lao động để tổ chức lao động xã hội với chất lượng, hiệu quả cao nhất ở mỗi thời điểm, mỗi giai đoạn.

Tóm lại, cùng với các giải pháp phòng ngừa LĐTĐ có tính chất nặng về hành chính, quản lý thì vấn đề căn bản nhất của phòng ngừa, giảm thiểu LĐTĐ thông

qua trường học chính là tổ chức giáo dục lao động cho trẻ em, HS để các em có được nhận thức, kiến thức, kỹ năng ban đầu, ý thức, thái độ đúng đối với lao động, từ đó tự xác định được bản thân sẽ tham gia lao động khi nào, mức độ nào là phù hợp. Đồng thời, nhà trường cũng phải thực hiện yêu cầu của Chính phủ là phải có các giải pháp tuyên truyền, giáo dục, phòng ngừa, phát hiện, phối hợp xử lý các trường hợp bỏ học, tham gia lao động trái pháp luật để giảm thiểu LĐTE.

PHẦN THỨ BA

NHÀ TRƯỜNG ĐẢM BẢO ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN

Điều kiện để đảm bảo cho việc thực hiện phòng ngừa, giảm thiểu LĐTĐ bao gồm các điều kiện của gia đình, nhà trường, xã hội và chính bản thân HS. Trong phần này chỉ đề cập đến các điều kiện của nhà trường có liên quan đến việc đảm bảo cho việc thực hiện phòng ngừa, giảm thiểu LĐTĐ thông qua trường học. Các điều kiện về cơ sở vật chất, kinh phí, hỗ trợ vật chất, chăm sóc về thể lực cho HS cũng không được đề cập ở phần này vì nhiều khi vượt quá khả năng tự quyết định của nhà trường (nhà trường chỉ có khả năng phối hợp, đề xuất).

1. Đảm bảo nhân lực thực hiện

1.1. Cán bộ quản lý

Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục có nhận thức, kiến thức, trách nhiệm đầy đủ về phòng ngừa, giảm thiểu LĐTĐ thông qua trường học, cụ thể là:

- Có nhận thức, kiến thức và một số kỹ năng cơ bản về công tác phòng ngừa, giảm thiểu LĐTĐ;

- Xây dựng được kế hoạch và tổ chức thực hiện việc tuyên truyền, giáo dục cho học sinh về phòng ngừa, giảm thiểu LĐTĐ;

- Tổ chức tuyên truyền giáo dục cho toàn bộ GV NV ý nghĩa tầm quan trọng, ý thức trách nhiệm của việc phòng ngừa, giảm thiểu LĐTĐ thông qua trường học;

- Tổ chức nghiên cứu các văn bản pháp luật, quy phạm pháp luật, cử CBQL GV NV dự các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực và tổ chức tập huấn tại cơ sở giáo dục cho toàn bộ CBQL GV NV nhà trường về phòng ngừa, giảm thiểu LĐTĐ;

- Lựa chọn, phân công GV đảm nhận chức danh GV chủ nhiệm phù hợp với trình độ, năng lực, phẩm chất, sự tâm huyết với nghề, có hiểu biết tốt về tâm sinh lý lứa tuổi, đặc điểm của HS của lớp.

- Tổ chức được công tác tư vấn tâm lý cho HS, công tác xã hội trong nhà trường; có phòng/góc tư vấn tâm lý hoạt động hiệu quả.

- Kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh (nếu có), hỗ trợ các bộ phận, cá nhân đảm trách công tác có liên quan đến phòng ngừa, giảm thiểu LĐTĐ trong nhà trường;

- Tổ chức xây dựng quỹ tình thương, quỹ khuyến học của nhà trường theo quy định để hỗ trợ HS có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế; xây dựng cảnh quan, môi trường an toàn, thân thiện, tích cực để góp phần giảm thiểu LĐTĐ.

- Tổ chức phối hợp với cha mẹ học sinh; kết nối với chính quyền, đoàn thể, tổ chức có liên quan để thực hiện công tác phòng ngừa LĐTĐ.

- Tổ chức tổng kết, biểu dương khen thưởng, chấn chỉnh những hạn chế, yếu kém và báo cáo về công tác phòng ngừa, giảm thiểu LĐTĐ.

1.2. Giáo viên chủ nhiệm

Giáo viên chủ nhiệm của cơ sở giáo dục phổ thông phải đảm bảo:

- Tìm hiểu được hoàn cảnh, tâm tư, nguyện vọng của từng HS, đặc biệt là HS có hoàn cảnh đặc biệt trong lớp được phân công phụ trách. Khi đánh giá tình hình lớp ngay từ đầu năm học, cần đánh giá đúng thực trạng lớp, tránh cách nhìn lý tưởng hoá hoặc tiêu cực về lớp học, về HS.

- Kết nối thông tin được với cha mẹ HS, trong đó đặc biệt chú ý đến các HS có hoàn cảnh gia đình khó khăn, HS có cá tính đặc biệt để thông báo tình hình học tập, rèn luyện của HS, nắm bắt thông tin từ gia đình, trao đổi ngay với gia đình khi HS nghỉ học hoặc hay đi học muộn, về sớm, không tham gia các sinh hoạt chung của lớp/trường tổ chức.

- Thu thập thông tin (hoàn cảnh gia đình, học lực, tính cách HS) và phân loại để dự báo HS có nguy cơ nghỉ học, trong đó đặc biệt chú ý tới các mối quan hệ của HS (bạn bè, các hiện tượng không bình thường) để sớm phát hiện ra các nguy cơ nghỉ học, bỏ học.

- Phối hợp với Ban đại diện cha mẹ HS để biết sớm nguy cơ bỏ học đối với từng HS.

1.3. Tổng phụ trách Đội/Bí thư Đoàn

Tổng phụ trách Đội (TH, THCS), Bí thư Đoàn (THCS, THPT) cần đảm bảo được:

- Có nhận thức, kiến thức, kỹ năng phòng ngừa, giảm thiểu LĐTĐ thông qua trường học, có thể làm cán bộ/nhân viên đầu mối của công tác phòng ngừa, giảm thiểu LĐTĐ để giúp Hiệu trưởng thực hiện công tác này.

- Biết và tổ chức các hoạt động câu lạc bộ, hoạt động trải nghiệm, các phong trào hoạt động ngoại khoá hiệu quả, thiết thực, hấp dẫn cho HS.

- Biết và có khả năng chủ trì tổ chức xây dựng phong trào: “Đôi bạn cùng tiến” hoặc giúp HS dưới các hình thức phù hợp; hoạt động từ thiện nhân đạo (quyên góp sách vở, đồ dùng học tập, nuôi heo đất, ...) để giúp HS khơi dậy tinh thần ham học, tham gia hoạt động tập thể, vượt qua khó khăn, chung sức, chung vui vì tập thể thân ái, đoàn kết, tích cực.

- Tổ chức được các hoạt động của Đội Cờ đỏ/Thanh niên xung kích hoặc các hình thức tổ chức khác của HS để theo sát tình hình HS, sớm phát hiện HS có nguy cơ bỏ học, tham gia lao động để hỗ trợ, giúp đỡ; đồng thời giúp đỡ những HS này tiếp tục học tập.

- Kết nối được với các hoạt động của Đoàn/Đội tại địa phương, nhất là trong các hoạt động hè, hoạt động tình nguyện vì cộng đồng, hoạt động xã hội, nhân đạo.

1.4. Nhân viên/giáo viên kiêm nhiệm công tác tư vấn tâm lý/công tác xã hội

Nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm công tác tư vấn tâm lý (theo quy định tại Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông) phải đảm bảo được:

- Là người có kinh nghiệm và được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ tư vấn tâm lý (có chứng chỉ nghiệp vụ tư vấn tâm lý học đường theo chương trình do Bộ GDĐT ban hành).

- Tổ chức được công tác tư vấn tâm lý, đặc biệt là đối với những trường hợp có nguy cơ bỏ học tham gia lao động và những trường hợp HS quay lại trường tiếp tục học tập.

- Tham mưu được cho Hiệu trưởng về kế hoạch tư vấn tâm lý cho những HS có nguy cơ bỏ học tham gia lao động; đồng thời kết nối được với các GV chủ nhiệm trong công tác phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE thông qua trường học.

1.5. Giáo viên bộ môn

Thực hiện được các tiết dạy hiệu quả, đảm bảo các tiết giảng thu hút được sự quan tâm của HS, trong đó cần thực hiện được yêu cầu về phương pháp dạy học theo hướng tích cực, cụ thể là:

- Chuẩn bị, cập nhật kiến thức, minh họa sát thực tiễn trong mỗi tiết giảng theo yêu cầu của chương trình phổ thông 2018; lên lớp có đồ dùng dạy học, dụng cụ thực hành trực quan sinh động, kiểm tra, đánh giá chính xác, công bằng.

- Nắm chắc năng lực tiếp thu, đặc điểm của HS mỗi lớp để có phương pháp dạy phù hợp, không nên áp dụng chỉ một phương pháp giảng dạy cứng nhắc chung cho tất cả các lớp;

- Chú ý hỗ trợ HS yếu kém ở mỗi môn và có kế hoạch, thực hiện hỗ trợ phù hợp. Nếu GV không có chương trình hỗ trợ hiệu quả cho mỗi HS có học lực yếu kém thì những HS này ngày càng bị đuối sức, không theo kịp chương trình và có nguy cơ dẫn đến nghỉ học, bỏ học.

- Kết hợp giáo dục đạo đức, lối sống văn hoá, kỹ năng sống thông qua môn học. Khơi dậy tinh thần ham học qua việc động viên, khuyến khích, khen thưởng mỗi khi HS có tiến bộ. Đặc điểm tâm lý của HS là rất thích được khen, thích thầy cô biết đến những mặt tốt, tích cực, thành tích của bản thân, những cố gắng dù là nhỏ. Nếu quá nhấn mạnh vào điều làm chưa tốt của HS thì dễ làm các em cảm thấy chán nản, thiếu tự tin, dễ sinh tiêu cực. Do đó, trong quá trình giảng dạy, tổ chức hoạt động cho HS ở trường thì giáo viên cần phải chú ý khuyến khích động viên mặt tốt của các em và chỉ ra hướng khắc phục dần dần những hạn chế, yếu kém có thể khắc phục được. Đồng thời chú ý quan sát để phát hiện ra sự tiến bộ của HS để động viên kịp thời, khuyến khích cách suy nghĩ, việc làm sáng tạo của trẻ em, HS, cùng đồng hành để thực hiện những điều sáng tạo của các em theo hướng tích cực. Từ đó khơi dậy tinh thần đoàn kết, yêu trường lớp, mến bạn bè, thầy cô và hạn chế tối đa việc bỏ học.

- Nắm bắt được nhanh về những thay đổi tâm sinh lý, phát hiện biểu hiện bất thường của từng HS; phối hợp với GV chủ nhiệm để xử lý kịp thời.

1.6. Nhân viên y tế và những nhân viên khác

- Nhân viên y tế: Trong khi thực hiện nhiệm vụ theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ, sơ cấp cứu ban đầu, tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho HS, nhân viên y tế (nếu có) phải phối hợp chặt chẽ với GV chủ nhiệm, NV/GV kiêm nhiệm công tác tư vấn tâm lý để phát hiện những HS có thay đổi bất thường về tâm lý, hành vi để sớm phát hiện nguy cơ bỏ học.

- Các nhân viên khác: Theo chức năng nhiệm vụ, phối hợp phát hiện, hỗ trợ HS có nguy cơ bỏ học và tạo điều kiện thuận lợi cho HS tiếp tục học tập tại trường học tập.

Trong trường, mọi thành viên đều có trách nhiệm hỗ trợ, giúp đỡ những HS có hoàn cảnh khó khăn, có nguy cơ bỏ học vì các lý do khác nhau.

2. Nhà trường phối hợp với gia đình, xã hội

2.1. Nhà trường phối hợp với gia đình

Nhà trường chủ động tuyên truyền cho cha mẹ HS thông qua các cuộc họp cha mẹ HS, đặc biệt là trong cuộc họp đầu năm và qua Ban đại diện cha mẹ HS về công tác phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE (có tài liệu tuyên truyền kèm theo) và trao đổi, thảo luận về chủ đề này.

Khi có nguy cơ HS bỏ học, tham gia lao động: Nhà trường chủ động trao đổi thông tin với cha mẹ HS để cùng tìm biện pháp xử lý, vận động HS tiếp tục học tập tại trường.

Trong quá trình HS học tập, nhà trường giữ mối trao đổi thông tin với cha mẹ HS để thông tin và tư vấn kịp thời các vấn đề nảy sinh về học tập và khả năng bỏ học của HS.

Trong các công việc phối hợp với cha mẹ HS thì cần đặc biệt lưu ý các cha mẹ về vấn đề quản lý HS tham gia, ứng xử trên môi trường mạng. Cha mẹ là người trực tiếp nuôi dạy con, cần đồng hành với con với tinh thần cởi mở và hiểu biết, thay vì cấm đoán, trao đổi về lợi ích và rủi ro khi tham gia môi trường mạng để con tự do trải nghiệm, rút ra bài học, tự bảo vệ trên môi trường mạng. Cha mẹ cần phải biết các bài đăng trên mạng xã hội của con, các bạn bè trên mạng xã hội của con, ngăn chặn con truy cập vào các trang web không an toàn, cấm hoặc hạn chế con truy cập vào một số trang web có nguy cơ cao gây tổn thương, gây xâm hại hoặc rủ rờ, lôi kéo các em trở thành LĐTE. Đồng thời, bản thân HS phải biết tự bảo vệ thông tin cá nhân như tên tuổi, nhận dạng, sức khỏe, địa chỉ, số điện thoại cá nhân, kết quả học tập, quan hệ bạn bè, sở thích cá nhân ... để đỡ gặp rắc rối sâu hơn trong quá trình trao đổi với người khác, đỡ bị lừa gạt khi tham gia vào các hoạt động bóc lột trẻ em qua môi trường mạng.

2.2. Nhà trường phối hợp xã hội

Nhà trường chủ động phối hợp với chính quyền, đoàn thể, tổ chức, đơn vị tại địa phương, cụ thể như sau.

- Với Chính quyền cấp xã: Nhà trường thường xuyên giữ mối quan hệ với người làm công tác xã hội/bảo vệ trẻ em của Ủy ban nhân dân cấp xã để trao đổi thông tin, đề xuất phối hợp xử lý các trường hợp HS có nguy cơ bỏ học, HS vừa bỏ học, HS quay trở lại trường sau khi bỏ học, trình Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo xử lý, thực hiện. Những vấn đề vượt khả năng hỗ trợ của nhà trường, nhất là vấn đề hỗ trợ kinh tế, phát triển nghề nghiệp, tảo hôn, ... thì cần đề nghị với Chính quyền cấp xã có biện pháp hỗ trợ, giúp đỡ, xử lý kịp thời để HS được tiếp tục đến trường học tập.

- Hội Phụ nữ cấp xã: Nhà trường phối hợp với Hội Phụ nữ cấp xã để vận động đưa trẻ em đến trường trong dịp đầu năm học, vận động HS không bỏ học, nhất là sau dịp nghỉ hè, nghỉ tết, tham gia lễ hội của dân tộc, địa phương. Hội Phụ nữ cấp xã chủ động vận động, tuyên truyền các cha mẹ HS và tạo điều kiện hỗ trợ các em có điều kiện tốt nhất trong việc đi học ở trường,

- Đoàn Thanh niên: Đoàn Thanh niên trường học phối hợp với Đoàn Thanh niên địa phương cấp xã để phối hợp tổ chức một số hoạt động chung trong quá trình học tập của cả năm học, nhất là trong dịp tổ chức các ngày kỷ niệm, các hoạt động tình nguyện, hoạt động xã hội, nhân đạo, hoạt động hè. Trong các hoạt động

đó, chú trọng công tác tuyên truyền, vận động hỗ trợ HS có hoàn cảnh khó khăn, chủ trì vận động hỗ trợ HS nghèo vượt khó để tiếp tục duy trì học tập tại trường. Đặc biệt quan tâm đến việc HS hay bỏ học sau các dịp lễ hội, tết, nghỉ hè để có giải pháp tuyên truyền, vận động và đề xuất với chính quyền địa phương về các giải pháp hỗ trợ, xử lý phù hợp, hiệu quả.

- Nhà trường phối hợp với các hội đoàn thể để hỗ trợ HS có hoàn cảnh khó khăn tiếp tục học tập tại trường. Sự đóng góp của các quỹ học bổng có vai trò to lớn trong việc tiếp sức đến trường cho trẻ em, HS có hoàn cảnh khó khăn.

- Phối hợp với các dòng họ, tổ dân cư để khích lệ tinh thần hiếu học của dòng họ, địa phương. Phối hợp để vận động các nhà hảo tâm hỗ trợ trực tiếp cho những trường hợp HS có hoàn cảnh khó khăn để các em tiếp tục đến trường học tập.

- Tổ chức, đơn vị hỗ trợ học sinh vượt khó học tập: Với sự chỉ đạo của Chính quyền địa phương, nhà trường chủ động phối hợp với các tổ chức, đơn vị để hỗ trợ trực tiếp cho HS nghèo vượt khó học tập, đặc biệt là các cơ sở giáo dục ở vùng khó khăn.

- Phối hợp với các nhà hảo tâm hỗ trợ, đầu tư, giúp đỡ, đỡ đầu, trao học bổng dưới nhiều hình khác nhau để tạo điều kiện cho những HS nghèo, khó khăn trong cuộc sống tiếp tục đi học và cho những HS học giỏi, xuất sắc có điều kiện phát huy tài năng, vươn lên hơn nữa của bản thân, góp phần phát triển của gia đình, cộng đồng, xã hội và hội nhập quốc tế. Thông qua các tổ chức đoàn thể, chính quyền để tìm kiếm nguồn kinh phí, điều kiện vật chất để phát huy năng khiếu, ý chí, khát vọng vươn lên của HS ở những vùng đồng bào dân tộc thiểu số như Quỹ học bổng Vừ A Dính đang thực hiện từ năm 1999 đến nay và nhiều quỹ, học bổng của nhiều tổ chức, cá nhân khác.

- Phối hợp với Công an để giám sát, kiểm tra hiện tượng học sinh bỏ tiết, bỏ buổi học để chơi games ở quán điện tử hoặc chơi quá nhiều, quá thời gian quy định. Các quán games mở ra ngày càng nhiều, một số HS đã bỏ học, một số thanh thiếu niên lười lao động thường la cà ở các quán hàng này sẽ dễ làm kích động, lôi kéo HS. Từ đó, một số HS bỏ bê học tập, sa đà điện tử, game online, tán gẫu trên mạng dẫn đến sa ngã về đạo đức và có nguy cơ bỏ học.

Kết luận chung

Lao động trẻ em và giáo dục có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Nhìn chung, LĐTE có tác động, ảnh hưởng không tích cực, thậm chí ảnh hưởng rất xấu đối với việc đi học và kết quả học tập của trẻ em, HS. Trẻ em bỏ học, tham gia lao động sẽ dễ gặp phải nguy cơ bị bạo lực, bị bóc lột tại nơi làm việc. Ngay cả trẻ em đang đi

học mà vẫn tham gia lao động thì cũng có thể làm việc ở những nơi mang tính bạo lực và bóc lột, làm tăng nguy cơ bỏ học.

Mặt khác, khi đi học, nếu trẻ em, HS bị phân biệt đối xử hoặc bị bạo lực, bắt nạt, đe dọa, làm nhục, trừng phạt thân thể bởi bạn bè đồng trang lứa, CBQL GV NV ở trong, ngoài nhà trường và trên không gian mạng thì nguy cơ bỏ học là rất cao và dễ có thể trở thành LĐTE. Nếu tăng cường được khả năng tiếp cận với nền giáo dục chất lượng thì sẽ có tiềm năng lớn để giảm thiểu LĐTE. Nâng cao chất lượng của giáo dục sẽ góp phần thu hút trẻ em đi học, hứng thú, chuyên cần học tập hơn, giảm thiểu việc bỏ học để tham gia lao động. Ngược lại, khi tình trạng LĐTE được giảm thiểu, các em sẽ có điều kiện tốt hơn để dành thời gian, sức lực cho việc học tập ở trường cũng như việc tự học ở nhà.

Như vậy, bảo vệ trẻ em một cách tốt nhất là tạo điều kiện tốt nhất cho các em được tiếp cận giáo dục, được đi học và có đủ thời gian, điều kiện cho việc học ở trường, tự học ở nhà. Đồng thời, cần phải xây dựng được môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện và phòng, chống được bạo lực học đường thì sẽ góp phần giảm thiểu nguy cơ bỏ học, trở thành LĐTE. Công tác bảo vệ trẻ em, trong đó có phòng ngừa LĐTE là điều kiện cơ bản để tạo điều kiện cho công tác giáo dục trẻ em ở trong và ngoài trường học, cũng như trên không gian mạng. Trẻ em được học tập ở môi trường giáo dục có chất lượng tốt sẽ trang bị cho các em về nhận thức, kiến thức, kỹ năng ứng xử với bản thân, nghề nghiệp, định hướng tương lai của cuộc sống và có năng lực tự bảo vệ mình, góp phần bảo vệ trẻ em trong xã hội một cách hiệu quả, bền vững.

Để phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE thì cần chung tay của tất cả các cấp, các ngành, của các gia đình, bản thân HS, trong đó nhà trường có vai trò đặc biệt quan trọng là phải tạo điều kiện, động viên, khuyến khích sự chăm chỉ, tích cực, chủ động, sáng tạo của HS để các em có được hành trang vào đời một cách tự tin, làm chủ bản thân, tự quyết định được nghề nghiệp tương lai, tránh được việc bỏ học để tham gia lao động sớm.

PHẦN THỨ TƯ

PHỤ LỤC

1. Phụ lục 1.

Một số mô hình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em thông qua trường học

1.1. Mô hình trong trường học

Các mô hình trong trường học do nhà trường chủ trì, phối hợp với các đoàn thể, tổ chức, đơn vị, cá nhân thực hiện để khuyến khích, hỗ trợ trẻ em, HS đến trường học tập, rèn luyện, góp phần phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE. Nội dung cụ thể của mỗi mô hình là do mỗi nhà trường xây dựng và thực hiện cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của nhà trường, địa phương. Sau đây là tên và nội dung cơ bản của một số mô hình.

- Mô hình 1. Tiếp sức đến trường

Nhà trường phát động phong trào tiếp sức đến trường ngay từ đầu năm học, sau khi có ban cán sự lớp. Đại diện Ban cán sự lớp cùng giáo viên thăm hỏi, động viên, khuyến khích những HS có hoàn cảnh khó khăn tiếp tục vượt khó học tập bằng các hình thức phù hợp, thường xuyên, kịp thời, ví dụ như tổ chức trao phần thưởng có tính chất tượng trưng như bút, sách, truyện, vở ... (cùng với HS có thành tích học tập, rèn luyện tốt) theo từng tháng hoặc cuối học kỳ I, cuối năm. Ở mỗi lớp cũng có các hình thức động viên, khen thưởng này, khoảng 1-2 HS/tháng.

- Mô hình 2. Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực

Mô hình này có từ năm 2008 và đang còn duy trì ở nhiều nơi với các nội dung cụ thể, mức độ thực hiện khác nhau. Trong mô hình này có nội dung là không để học sinh nghỉ học vì lí do thiếu quần áo, sách vở, đồ dùng học tập. Để thực hiện được điều này, nhà trường phải phối hợp với các gia đình, đoàn thể, chính quyền để rà soát diện các HS có khó khăn về kinh tế để cùng tìm biện pháp tháo gỡ, giúp các em được đến trường, góp phần giảm thiểu bỏ học vì lí do kinh tế.

- Mô hình 3. Đội Sao đỏ/Thanh niên xung kích

Tổ chức hoạt động của Đội Sao đỏ/Thanh niên xung kích để giúp bạn thực hiện nề nếp học tập, sinh hoạt (trong đó có việc phát hiện những trường hợp HS có biểu hiện bất thường liên quan đến nguy cơ bỏ học, tham gia lao động).

- Mô hình 4. Tổ chức Hòm thư giúp bạn

Khi phát hiện thấy nguy cơ bỏ học vì các lý do khác nhau, HS có thể viết giấy phản ánh và bỏ vào Hòm thư này ở trường. Do không muốn phản ánh trực

tiếp cho GV vì còn e ngại nên HS viết thư hoặc thông tin qua phương tiện điện tử (điện thoại, email ...) phản ánh với mục đích giúp bạn là điều dễ làm hơn. Đây là kinh nghiệm, mô hình nhỏ được học tập ở một số dự án của một số tổ chức quốc tế từ nhiều năm trước. Đến nay, mô hình này vẫn có hiệu quả tốt ở nhiều nơi, khi mà nhà trường khuyến khích thực hiện cách làm này và có động viên, khen thưởng kịp thời những HS có thông tin phản ánh chính xác, kịp thời. Lưu ý, cần bảo mật danh tính người phản ánh nếu thấy cần thiết trong một số trường hợp.

- Mô hình 5. Nuôi heo đất giúp bạn

Mô hình này có ở rất nhiều nơi: HS góp tiền của cá nhân vào con heo đất (hòm/thùng) để giúp các bạn khó khăn nhất trong trường (đôi khi giúp cả HS ở nơi khác). Nếu được sự đồng thuận của HS, gia đình HS và có sự tham gia điều hành của HS, đảm bảo công khai, minh bạch thì sẽ có tác dụng rất thiết thực.

- Mô hình 6. Đôi bạn cùng tiến

Tổ chức Đôi bạn cùng tiến/Tổ cùng tiến/Lớp cùng tiến để hỗ trợ, giúp nhau cùng tiến bộ trong học tập (giúp bạn có học lực yếu hơn để khắc phục tình trạng ngại học, chán học do không tiếp thu kịp chương trình học tập). Có thể có hình thức, tên gọi khác là tổ chức mô hình học nhóm để cùng giúp nhau học bài, ôn bài, giải bài tập và tìm hiểu, thấu cảm khó khăn của nhau, phản ánh và đề nghị hỗ trợ (nếu cần).

- Mô hình 7. Tổ chức bộ máy tự quản của lớp học

Giáo viên chủ nhiệm tổ chức lựa chọn, giao nhiệm vụ cụ thể, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lớp, ban chỉ huy Đội, tổ trưởng, tổ phó, đội Cờ đỏ/Sao đỏ, cán sự bộ môn của lớp. Tùy theo khả năng ở mỗi lớp, lớp trưởng có thể chủ trì các cuộc họp lớp để đánh giá kết quả học tập; tổng hợp kết quả thi đua; điều hành tiết sinh hoạt cuối tuần, ... Các lớp phó phụ trách học tập, lao động, văn thể mỹ được phân công phụ trách các mảng công việc cụ thể theo lĩnh vực được giao. Tổ trưởng được giao theo dõi, đôn đốc hoạt động hằng ngày về thực hiện nội quy học tập, sinh hoạt trong tổ; kiểm tra vở bài tập về nhà để báo cáo lớp phó học tập. Cán sự bộ môn sửa, trao đổi về những bài khó ở mỗi môn ở thời điểm do lớp quy định. Trong quá trình phân công, GV chủ nhiệm không áp đặt, HS tự do lựa chọn, đề xuất (vì có nhiều bạn khá hiểu biết nhau khi học cùng ở các lớp dưới) để GV chủ nhiệm quyết định.

- Mô hình 8. Nhóm câu lạc bộ giáo viên chủ nhiệm

Lập và sử dụng hiệu quả Nhóm Zalo Câu lạc bộ GV chủ nhiệm để thông tin, trao đổi kinh nghiệm trong công tác GV chủ nhiệm (trong đó có công tác phòng ngừa, giảm thiểu LĐTĐ thông qua trường học). Thông qua nhóm Zalo này, mỗi

GV chủ nhiệm có thể chia sẻ kinh nghiệm về những trường hợp khó xử lý khi HS có nguy cơ bỏ học, cũng như vận động HS quay trở lại học tập. Đồng thời còn trao đổi về những mô hình hay, cách làm hiệu quả mà bản thân đã trải nghiệm trong công tác này.

- Mô hình 9. Tổ chức các đợt thi đua

Xây dựng tiêu chí thi đua giữa các tổ, các lớp trong mỗi khối lớp của toàn trường; hàng tuần/tháng/học kỳ/cuối năm chấm điểm thi đua. Tuỳ theo nội dung, có thể có đợt thi đua ngắn ngày trong các dịp chào mừng các ngày kỷ niệm lớn như 20/11, 26/3 ... hoặc chào mừng các sự kiện lớn của đất nước, địa phương. Khi tổng kết đợt thi đua, cần có đánh giá khách quan, có sự tham gia của HS và có phần thưởng cho những tập thể có thành tích tốt nhất.

- Mô hình 10. Nhóm tự quản theo địa bàn cư trú

Học sinh tự quản theo địa bàn cư trú (ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi): GV chủ nhiệm chia HS thành các nhóm trên cùng địa bàn cư trú (có tổ trưởng, tổ phó) để cùng rủ nhau đi học, hỗ trợ nhau, thông tin với nhau trên đường đi học về học tập, cuộc sống. Qua đó, có thể sớm biết tại sao bạn lại nghỉ học mỗi buổi/ngày, biết hoàn cảnh của nhau, trong đó có thể có nguy cơ chán học, bỏ học. Từ đó, GV chủ nhiệm có thể có thông tin sớm để phối hợp xử lý, hỗ trợ những HS có nguy cơ bỏ học. Đồng thời, thông tin từ nhóm bạn này sẽ giúp gia đình HS biết được thêm thông tin về học tập, nguyện vọng của con em mình để cùng phối hợp với GV chủ nhiệm tạo điều kiện tốt nhất cho HS học tập, hạn chế bỏ học vì thiếu sự quan tâm, xử lý kịp thời.

- Mô hình 11. Xây dựng khu nội trú

Xây dựng khu nội trú văn minh, sạch, đẹp, an toàn ở trường nội trú, bán trú, góp phần xây dựng môi trường trường học an toàn, thân thiện, tích cực, tạo hứng thú, động lực cho HS khi học tập, sinh hoạt ở trường, giảm thiểu tình trạng bỏ học với những tiêu chí cụ thể cho phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện.

- Mô hình 12. Đêm thứ Bảy nội trú

Tổ chức Đêm thứ Bảy nội trú ở trường nội trú, bán trú để giao lưu văn hoá giữa các HS của các dân tộc ở địa phương, cùng huyện, cùng tỉnh (xây dựng môi trường đa văn hoá của các dân tộc, học hỏi lẫn nhau, tạo hứng thú trong khi học ở trường, giảm thiểu bỏ học). Có địa phương, mô hình này đã được thực hiện ở tất cả các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và được các nhà trường, HS hào hứng tổ chức, tham gia.

- Mô hình 13. Trồng rau gây quỹ giúp bạn

Ở một số trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú có vườn rộng, HS trồng rau, củ, quả để thực hành lao động và có sản phẩm bán lại cho bếp ăn, gây quỹ để hỗ trợ cho các hoạt động phong trào văn hoá, thể thao của HS và có một phần hỗ trợ, động viên các bạn có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế.

1.2. Mô hình tại cộng đồng

Các mô hình tại cộng đồng do Chính quyền chủ trì, các đoàn thể, tổ chức, đơn vị, cá nhân thực hiện (có thể phối hợp với nhà trường) để khuyến khích, hỗ trợ trẻ em, HS đến trường học tập, rèn luyện, góp phần phòng ngừa, giảm thiểu LĐTĐ. Sau đây là tên và nội dung cơ bản của một số mô hình.

- Mô hình 14. Toàn dân đưa trẻ đến trường

Phong trào toàn dân đưa trẻ đến trường đã trở thành nề nếp ở tất cả các địa phương, đã hỗ trợ cho rất nhiều trẻ em có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, tâm lý tình cảm, thể chất được đến trường học tập, đặc biệt là đối với học sinh TH, THCS, góp phần giảm tỉ lệ HS thất học, bỏ học ở các cấp học. Trong phong trào này, nhà trường có vai trò phối hợp với các lực lượng trên địa bàn để có hỗ trợ thiết thực trong việc đưa trẻ em đến trường.

- Mô hình 15. Tài trợ học bổng, chấp cánh ước mơ

Mô hình tài trợ học bổng/Chấp cánh ước mơ (với các tên gọi khác nữa) nhằm vận động các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân hảo tâm tặng hiện vật (xe đạp, quần áo, sách vở, đồ dùng học tập, lương thực, nhu yếu phẩm, ...), học bổng (bằng tiền) đã có ở tất cả các tỉnh/thành phố từ nhiều năm nay với cách làm hay, hiệu quả. Mô hình này đã có tác động mạnh mẽ đến việc tiếp sức cho HS đến trường ở tất cả các địa phương, đặc biệt là ở các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, hải đảo.

- Mô hình 16. Gia đình/Dòng họ/Cộng đồng/Đơn vị học tập

Mô hình “gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, “Đơn vị học tập” đã được thực hiện ở nhiều nơi do Hội Khuyến học các cấp chủ trì thực hiện. Các hình thức khuyến học, khuyến tài đã được các cấp uỷ Đảng, chính quyền, đoàn thể, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân quan tâm, ủng hộ, động viên, đóng góp, hỗ trợ những trẻ em, HS có hoàn cảnh khó khăn tiếp tục được đi học và khuyến khích tất cả HS vươn lên trong học tập, rèn luyện và trong cuộc sống.

- Mô hình 17. Phòng, chống tảo hôn

Mô hình phòng, chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số đã thực hiện ở một số nơi (cấp xã) nhằm nâng cao nhận thức của

người dân về các luật: Hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình, hộ tịch, dân sự. Từ đó làm thay đổi nhận thức, động viên thanh thiếu niên đi học, tránh tình trạng HS bỏ học vì kết hôn hoặc tham gia lao động để mưu sinh.

- Mô hình 18. “Con nuôi biên phòng”

Đồn/đơn vị biên phòng nhận nuôi ăn, ở, sinh hoạt tại đơn vị cho HS có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại địa bàn đã triển khai ở khắp các khu vực biên giới trong cả nước; giúp HS được tiếp tục đi học, không phải trở thành LĐTE. Các trẻ em được chăm nuôi ở đồn biên phòng được coi như con, em trong gia đình, được chỉ bảo, kèm thêm trong học tập và được dạy các kỹ năng sống hàng ngày, giúp các em hoàn thiện dần bản thân.

- Mô hình 19. “Tết chia sẻ - Tết yêu thương”

Một câu lạc bộ/Nhóm hoạt động của một trường/một nhóm người khởi xướng đề xuất quyên góp tiền, trang phục mùa đông, bánh kẹo Tết, quà (bằng tiền mặt) cùng đại diện vài ba trường học và một số ca sĩ, nghệ sĩ đến thăm, tặng quà, giao lưu văn nghệ một số trường, thôn bản, gia đình có điều kiện khó khăn về kinh tế (theo địa chỉ cụ thể đã được trao đổi, thống nhất trước) để cùng chia sẻ đón Tết cổ truyền theo tinh thần tự nguyện. Người tham gia đoàn tự đóng góp chi phí tiền ăn uống, thuê xe, không vụ lợi. Hoạt động này đã góp phần hỗ trợ HS vùng khó khăn vui xuân, vui đến trường và qua đó học sinh các trường tham gia cũng có được bài học trải nghiệm về lòng nhân ái, sự sẻ chia và lan toả đến học sinh trường khác, đến cộng đồng.

2. Phụ lục 2.

Một số kỹ năng truyền thông về lao động trẻ em

Dựa trên cuốn: “Sổ tay hướng dẫn truyền thông về lao động trẻ em” (Cục Trẻ em, Bộ LĐTBXH biên soạn, 2020), một số nội dung đã được biên tập lại, bổ sung, cập nhật cho phù hợp với điều kiện của cơ sở giáo dục và được trình bày trong Tài liệu này, cụ thể như sau:

2.1. Kỹ năng truyền thông nhóm về lao động trẻ em

- Khái niệm truyền thông nhóm

Truyền thông nhóm HS là quá trình trao đổi, tương tác giữa cán bộ/giáo viên/nhân viên/diễn giả và một nhóm HS sinh có cùng nhu cầu.

- Số lượng S trong nhóm

Số lượng trung bình của một nhóm là 10 - 15 HS, tối thiểu là 03 HS, tối đa là 35 HS (bằng số HS của một lớp theo quy định) thì sẽ thuận tiện cho hoạt động.

- Xác định đối tượng HS tham gia

Dựa trên đánh giá, phân loại HS có nguy cơ bỏ học, tham gia lao động để chia thành các nhóm truyền thông. Ví dụ như: Nhóm học sinh ở gia đình có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế; gia đình có nghề truyền thống thủ công mỹ nghệ; gia đình mới di cư; HS bị thiếu sự quan tâm của gia đình đến việc học của con; HS khuyết tật; HS muốn tự lập sớm; HS nghiện games; ...

- Xác định mục tiêu truyền thông

Dựa vào nhu cầu của mỗi nhóm HS, người truyền thông (CBQL GV NV nhà trường hoặc chuyên gia từ ngoài trường) xây dựng dàn ý nội dung cần truyền thông, trong đó nhấn mạnh, đưa nhiều thông tin hơn về các vấn đề mà mỗi nhóm HS cần tìm hiểu. Nên đưa ra ví dụ, minh họa những trường hợp cụ thể sát với đối tượng. Ví dụ như với nhóm HS mà gia đình có nghề truyền thống thủ công mỹ nghệ thì lấy ví dụ, trao đổi nhiều hơn về độ tuổi, thời gian, điều kiện tham gia lao động của HS; đối với nhóm HS ở gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn thì không nên đi sâu, trao đổi nhiều về các nội dung như nhóm HS ở gia đình có nghề truyền thống.

Cần viết ra các mục tiêu cụ thể (kết quả mong đợi) của cuộc truyền thông: Sau cuộc truyền thông HS sẽ thu nhận được kết quả gì (có phiếu đánh giá kết quả thu nhận được về một số nội dung cơ bản của cuộc truyền thông để HS tích vào phiếu).

- Xây dựng nội dung truyền thông

Xây dựng dàn bài chi tiết, bao gồm:

+ Cấu trúc: Mở đầu, Nội dung chính, Kết luận.

+ Nội dung cụ thể của mỗi vấn đề được trình bày ngắn gọn, xúc tích: Mỗi ý trình bày cần được khái quát, rút tít thành cụm từ ngắn gọn (từ khoá, cho dễ nhớ) sau đó mới giảng giải, đưa ví dụ minh họa.

+ Chuẩn bị câu hỏi thảo luận: Nên đặt câu hỏi mở, đơn nghĩa, rõ ràng, được viết ra giấy hoặc trình chiếu trên màn hình.

- Hình thức truyền thông

+ Thuyết trình kết hợp trao đổi, thảo luận.

+ Chuẩn bị giấy khổ lớn (A0), bảng, máy chiếu projector; các tài liệu phát cho học sinh (tờ in, tờ rơi, sách, tranh ảnh, ...) vào thời điểm thích hợp (trước, trong, cuối cuộc truyền thông).

+ Khuyến khích trình bày bằng PowerPoint. Lưu ý: không copy bài giảng có các câu văn dài trong mỗi slide (trang chiếu trên màn hình của PowerPoint) mà trên đó nên đưa ra từ/cụm từ khoá hoặc sơ đồ. Đối với các quy định được trích từ văn bản quy phạm pháp luật thì phải trình chiếu nguyên văn. Tuy nhiên cần lựa chọn các nội dung quy định cơ bản nhất, còn các nội dung khác của văn bản quy phạm pháp luật thì chỉ giới thiệu chung (nếu không có đủ thời gian trình bày).

- Kết thúc cuộc truyền thông

+ Tóm tắt các thông điệp, nội dung chính đã trình bày, trao đổi;

+ Nhấn mạnh nội dung chính, quan trọng nhất;

+ Đề nghị một vài HS nhắc lại các nội dung đó;

+ Đưa phiếu thu hoạch cho HS tích vào các phần nhận thức được qua cuộc truyền thông này;

+ Khen chung cả nhóm và nêu tên vài ba HS tích cực tham gia trao đổi nhất;

+ Phát tờ rơi, tài liệu (nếu có).

2.2. Kỹ năng thuyết trình

Thuyết trình cho HS là nói ra một cách rõ ràng, đầy đủ cho số đông HS để các em có thể hiểu rõ về nội dung cần chuyển tải.

Các nội dung thực hiện:

a) Trước khi thuyết trình

+ Xác định nội dung cần chuyển tải cho HS;

+ Xác định nhu cầu, khả năng tiếp thu của HS (đặc điểm, lứa tuổi, vùng miền, khu vực);

+ Chuẩn bị bài thuyết trình: Cấu trúc hợp lý, logic chặt chẽ, thông điệp rõ ràng;

+ Xem lại dàn ý, lướt lại nội dung thuyết trình vào buổi tối hôm trước (nếu sáng hôm sau trình bày) hoặc vào buổi sáng (nếu trình bày vào buổi chiều).

+ Chuẩn bị tài liệu, công cụ hỗ trợ nghe nhìn;

+ Trang phục lịch sự, gọn gàng, dễ cử động, di chuyển;

+ Đến trước địa điểm thuyết trình ít nhất là 10 phút để thử phương tiện nghe nhìn, quan sát khu vực thuyết trình, đối tượng dự nghe và thư giãn một chút (hít thở sâu vài ba lần).

b) Khi thuyết trình

- Mở đầu

Giới thiệu về bản thân (nếu là lần đầu gặp); Nói một vài câu để tạo mối đồng cảm với HS và nói tên của chủ đề trình bày trong vòng khoảng 1-2 phút, không nên mở đầu quá dài.

- Thuyết trình nội dung

+ Trình bày theo dàn ý đã chuẩn bị.

+ Kết nối các nội dung thuyết trình với các sự việc cụ thể, quen thuộc với HS tham dự để các em dễ hình dung, liên hệ và dễ nhớ, tạo sự hứng thú của người nghe.

+ Minh hoạ, ví dụ cụ thể sát với điều kiện, hoàn cảnh của người nghe; thời điểm, địa điểm xảy ra sự kiện càng gần với thời điểm hiện tại, địa điểm HS cư trú thì càng tốt.

+ Hỏi lại người nghe có ý kiến gì cần trao đổi sau mỗi phần lớn (có khoảng 2-3 phần lớn của mỗi cuộc trình bày, nếu có nhiều phần lớn quá thì rất khó nhớ, dễ bị loãng chủ đề). Nếu không có ai trao đổi lại thì để cuối bài trình bày sẽ dành thời gian để HS trao đổi về các nội dung đã trình bày. Người thuyết trình cần có câu hỏi gợi mở để học có thể trao đổi, thảo luận. Nếu không có HS nào có ý kiến trao đổi thì kết quả cuộc trình bày sẽ không được đánh giá cao.

+ Khuyến khích dùng công cụ hỗ trợ nghe nhìn (màn hình có trình chiếu hình ảnh, từ khoá, nội dung chính; dùng micro không dây để có thể vừa di chuyển vừa nói, chủ động mời học sinh cùng trao đổi. Trong trao đổi, không chệch câu hỏi, câu trả lời chưa đúng của HS, biết chọn lọc ý đúng của các em để phục vụ cho chủ đề chính của bài thuyết trình.

- Kết thúc

+ Tóm tắt ý chính, nội dung quan trọng của bài thuyết trình.

+ Trả lời các câu hỏi của HS.

+ Cảm ơn người nghe.

+ Để lại số điện thoại, email của diễn giả để trao đổi thông tin khi cần.

c) Lưu ý

- Sử dụng bảng: Viết chữ to, rõ, ngắn gọn (từ/cụm từ khoá). Không nên viết chữ nhỏ, quá sát nhau, chi chít vì có người ngồi xa rất khó đọc, dễ gây tâm lý không hào hứng, dễ bỏ qua. Trình bày bảng phải cân đối về khoảng cách giữa các cụm chữ, nên có màu sắc khác nhau, có thể khoanh các từ trong mỗi cụm nội dung và

nói các cụm chữ này theo một sơ đồ; tạo ra hình ảnh của bảng khi kết thúc trình bày sẽ đẹp như một bức tranh cân đối, hài hoà. Không nên đứng giữa bảng vì HS sẽ khó quan sát bảng; khi viết, có thể quay lưng về phía HS nhưng bình thường thì nên đứng cạnh bảng và quay mặt về phía HS.

- Sử dụng PowerPoint: Mỗi slide không có dày đặc các chữ mà chỉ dùng từ khoá để diễn giả sẽ dựa vào đó giảng giải cho người nghe. Nếu có một số hình ảnh trong trình chiếu với nội dung sát với chủ đề và đối tượng thì sẽ tạo hứng thú của người nghe. Không nên đưa ví dụ, hình ảnh minh hoạ quá cũ, đã có trong sách giáo khoa, trong tài liệu hoặc không với điều kiện thực tiễn của HS ở địa phương. Diễn giả không nhìn màn bảng chiếu để đọc toàn bộ nội dung mà chỉ liếc qua để nhớ ý chính và giảng giải rõ nội dung cần chuyển tải.

- Phát tài liệu: Tùy theo nội dung thuyết trình, đối tượng nghe mà có thể phát tài liệu trước, trong, cuối cuộc thuyết trình. Thông thường sẽ phát tài liệu vào cuối cuộc thuyết trình để đỡ bị phân tán hoạt động khi nghe. Có thể phát trước tài liệu để người nghe tiện theo dõi và ghi ý tiếp thu, lưu ý, đánh dấu chỗ cần trao đổi lại vào tài liệu được phát. Sử dụng cách nào là theo cách làm của diễn giả. Đối với việc phát phiếu xin ý kiến phản hồi thì có thể phát vào cuối cuộc thuyết trình, không phát trước, dễ bị phân tán sự chú ý nghe.

2.3. Kỹ năng lắng nghe tích cực

Lắng nghe tích cực là người nghe tập trung nghe nhìn hoàn toàn vào người nói, cố gắng hiểu nội dung, thông điệp của người nói và phản hồi một cách chu đáo, lịch sự.

a) Kỹ năng nghe tích cực

- Chăm chú lắng nghe với ánh mắt chăm chú, cử chỉ thân thiện, tôn trọng.
- Có ghi chép những ý cơ bản, không ghi cả câu nói của diễn giả, chỉ ghi từ khoá để sau này bổ sung thêm, mở rộng thêm.
- Quan sát cử chỉ, ngữ điệu, ứng xử của diễn giả để học tập điều tốt, kể cả khi họ có cử chỉ chưa đẹp lắm thì cũng ghi nhớ để tránh cho bản thân khi trình bày sau này. Lưu ý, không bắt chước nguyên xi cử chỉ, ngữ điệu của diễn giả vì còn phải phù hợp với đối tượng nghe, khả năng người nói, nội dung trình bày.
- Thấy ý nào tâm đắc thì gật đầu nhẹ (không nên gật quá mạnh, gật lia lịa hoặc gật xuống mà không ngừng lên), không nên nhắm mắt lại khi nghe, không thường xuyên hoặc không nhìn ngang sang hai bên, nhìn qua cửa sổ ra ngoài quá lâu ...

- Tham gia trao đổi ngắn gọn, rõ ý khi được hỏi hoặc khi có yêu cầu trao đổi. Lưu ý, không cắt ngang lời nói khi diễn giả đang trình bày (trừ trường hợp diễn giả cho phép).

- Khi kết thúc, gật đầu tán thưởng, vỗ tay khi họ chào, kết thúc bài trình bày.

- Nếu có điều kiện gặp nhanh diễn giả thì có lời động viên họ. Lưu ý, thấy gì tâm đắc thì mới khen, không khen những điều mà bản thân mình chưa cảm nhận được; chọn từ ngữ ngắn gọn, xúc tích, chỉ rõ nội dung, vấn đề mà bản thân thấy bổ ích nhất để nói với họ. Qua việc khen, động viên người nói thì bản thân sẽ khắc sâu thông tin lĩnh hội được.

- Nếu thấy cần giữ mối liên hệ với người nói thì xin số điện thoại và đề nghị họ giúp mình về các thông tin có liên quan đến chủ đề trình bày.

b) Một số điều nên làm khi lắng nghe tích cực

- Tỏ thái độ thích thú, khích lệ, đồng cảm với người nói.

- Giữ im lặng khi cần thiết.

- Không làm việc riêng, nói chuyện riêng, nói leo.

- Tham gia tích cực khi thảo luận.

- Tỏ thái độ tôn trọng, thân thiện, cởi mở với người nói.

- Chia sẻ điều tâm đắc với bạn bè, người cùng nghe.

c) Một số điều không nên làm

- Tranh luận/tranh cãi căng thẳng với người nói.

- Cắt ngang lời người nói.

- Tỏ ra không quan tâm khi bản thân đã biết kiến thức, câu chuyện mà người nói đang trình bày.

- Khuyên, chỉ bảo người nói, người cùng nghe khi không có yêu cầu.

- Thỉnh thoảng lại nhìn đồng hồ hoặc lơ đãng nhìn ra ngoài như nhìn vào cõi hư vô.

- Đọc báo, sách, tài liệu không liên quan đến chủ đề báo cáo.

- Nói chuyện riêng.

- Xem tin tức, chơi games, sử dụng điện thoại di động khi diễn giả đang trình bày.

d) Nguyên tắc của lắng nghe tích cực

- Không nói lúc đang nghe người khác nói, kể cả nói lảm bảm, nói một mình để bị lảm tưởng là có ý phản đối người đang trình bày.

- Thể hiện sự cầu thị, muốn nghe.
- Tôn trọng, đồng cảm, lịch sự với người nói.
- Không có hành động mất tập trung cho bản thân, người xung quanh.
- Chủ động đặt câu hỏi, trả lời, tham luận khi cần thiết, phù hợp, đúng mức độ.
- Khi không kiểm chế được, không biết xử trí ra sao thì hãy im lặng, không nói.

2.4. Kỹ năng nhận biết lao động trẻ em

Lao động trẻ em là lao động trái pháp luật (vi phạm pháp luật) của người chưa thành niên. Các tiêu chí nhận biết lao động trẻ em là:

a) Vi phạm về độ tuổi và thời gian lao động

Vi phạm về độ tuổi lao động (Điều 143, Bộ luật Lao động, năm 2019)

Người chưa đủ 13 tuổi lao động kiếm sống hoặc tham gia bất kỳ hoạt động kinh tế nào; ngoại trừ người chưa đủ 13 tuổi được phép làm: các công việc nghệ thuật, thể dục, thể thao nhưng không làm tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người làm việc; phải có sự đồng ý của cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Điều 145, Bộ luật Lao động, năm 2019).

Vi phạm về thời gian lao động (Điều 146, Bộ luật Lao động, 2019)

- Người chưa đủ 15 tuổi tham gia vào bất kỳ công việc lao động kiếm sống hoặc hoạt động kinh tế nào (kể cả công việc được cho phép tại Thông tư 09/2020/TT-BLĐTBXH/Danh mục công việc nhẹ được sử dụng người dưới 15 tuổi) mà thời gian lao động nhiều hơn 4h/ngày và hơn 20h/tuần hoặc làm thêm giờ hoặc làm việc ban đêm (từ 22h tới 6h sáng hôm sau).

- Người đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi tham gia vào bất kỳ công việc lao động kiếm sống hoặc hoạt động kinh tế nào mà thời gian lao động hơn 8h/ngày và hơn 40h/tuần hoặc làm thêm giờ không đúng quy định của Bộ LĐTBXH hoặc làm việc ban đêm (từ 22h tới 6h sáng hôm sau).

b) Vi phạm về loại công việc (Điều 147, Bộ luật Lao động, năm 2019)

- Mang, vác, nâng các vật nặng vượt quá thể trạng của người chưa thành niên;
- Sản xuất, kinh doanh cồn, rượu, bia, thuốc lá, chất tác động đến tinh thần hoặc chất gây nghiện khác;
- Sản xuất, sử dụng hoặc vận chuyển hoá chất, khí gas, chất nổ;
- Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc;
- Phá dỡ các công trình xây dựng;

- Nấu, thổi, đúc, cán, dập, hàn kim loại;
- Lặn biển, đánh bắt thủy, hải sản xa bờ;
- Khi làm các công việc trái với quy định tại Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH;
- Khi làm “Những công việc mà tính chất và hoàn cảnh làm việc có thể xâm hại đến sức khỏe, sự an toàn và đạo đức của trẻ em” (Khoản D, Điều 3 Công ước 182 của Tổ chức lao động quốc tế ILO).

- Công việc khác gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên: những công việc bị lâm vào tình trạng dễ bị lạm dụng về thể chất, tâm lý hay xâm hại tình dục.

c) Vi phạm về nơi làm việc

Cấm sử dụng người lao động dưới 18 tuổi làm việc ở những nơi dưới đây:

- Dưới nước, dưới lòng đất, trong hang động, trong đường hầm;
- Công trường xây dựng;
- Cơ sở giết mổ gia súc;
- Sòng bạc, quán bar, vũ trường, phòng hát karaoke, khách sạn, nhà nghỉ, cơ sở tắm hơi, cơ sở xoa bóp; điểm kinh doanh xổ số, dịch vụ trò chơi điện tử;
- Nơi làm việc khác gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên;
- Khi làm tại các nơi làm việc trái với quy định tại Phụ lục IV của Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH (được nêu lại tại Phụ lục 6. Danh mục nơi làm việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên của Tài liệu này).

d) Tham gia vào các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất (Công ước 182 của ILO)

- Mọi hình thức nô lệ hay tương tự nô lệ như: buôn bán và vận chuyển trẻ em, gán nợ và lao động nô lệ và lao động cưỡng bức trong đó có tuyển mộ cưỡng bức trẻ em tham gia vào các xung đột vũ trang;
- Sử dụng, dụ dỗ hoặc lôi kéo trẻ em vào hoạt động mại dâm, sản xuất các sản phẩm phim ảnh khiêu dâm hoặc biểu diễn khiêu dâm;
- Sử dụng, dụ dỗ hoặc lôi kéo trẻ em vào các hoạt động bất hợp pháp, đặc biệt vào mục đích sản xuất và vận chuyển chất ma túy như được nêu tại các hiệp định quốc tế;

- Những công việc mà tính chất hoặc các điều kiện của nó có thể xâm hại đến sức khỏe, sự an toàn, đạo đức và nhân phẩm trẻ em.

3. Phụ lục 3.

Địa chỉ tiếp nhận thông tin về lao động trẻ em hoặc trẻ em bị xâm hại

3.1. Trách nhiệm thông báo

Bất kỳ ai, khi phát hiện trường hợp LĐTE hoặc trẻ em bị xâm hại thì cần báo ngay đến các địa chỉ dưới đây để xử lý kịp thời. Khái niệm xâm hại trẻ em được định nghĩa như sau: Xâm hại trẻ em là hành vi gây tổn hại về thể chất, tình cảm, tâm lý, danh dự, nhân phẩm của trẻ em dưới các hình thức bạo lực, bóc lột, xâm hại tình dục, mua bán, bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em và các hình thức gây tổn hại khác (Điều 4, Luật Trẻ em, năm 2016).

Đối với các trường hợp khẩn cấp, đe dọa đến tính mạng, sự an toàn của trẻ hoặc trẻ có nguy cơ bị bạo lực, bị bóc lột sức lao động nặng nề thì cần báo ngay tới các địa chỉ tiếp nhận hoặc người có trách nhiệm xử lý càng sớm càng tốt, không chậm quá từ 6 - 12 giờ kể từ khi biết được thông tin, vụ việc.

3.2. Các địa chỉ tiếp nhận và xử lý thông tin

- Tổng đài Quốc gia bảo vệ trẻ em: Ấn số 111 bằng điện thoại di động hoặc điện thoại cố định (có thể ấn mã vùng và số 111 hoặc không cần ấn mã vùng mà ấn ngay số 111); trong bất cứ lúc nào cả ngày và đêm của tất cả các ngày trong năm, kể cả ngày nghỉ, lễ, tết; miễn phí cuộc gọi;

- Chủ tịch/Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Công an cấp xã;

- Người làm công tác bảo vệ trẻ em của cấp xã;

- Phòng LĐTBXH cấp huyện;

- Thầy giáo, cô giáo (khi trẻ em bị xâm hại, trẻ em lao động trái pháp luật là HS của nhà trường).

Đối với các trường hợp HS bị xâm hại, đánh nhau, bị bắt nạt, bị đe dọa trong trường học thì HS cần báo ngay cho bất kỳ CBQL GV NV nào của nhà trường ở gần nhất để nhanh chóng ngăn chặn (trong trường hợp khẩn cấp) theo trách nhiệm và khả năng của bản thân hoặc thông tin cho CBQL của nhà trường để xử lý kịp thời, hiệu quả.

Đối với các trường hợp HS có nguy cơ bỏ học để tham gia lao động hoặc HS phải lao động trái pháp luật thì cần báo ngay cho GV chủ nhiệm của HS đó để có biện pháp phối hợp xử trí tốt nhất.

Đối với HS của nhà trường bị bạo lực, bị xâm hại ngoài trường học thì cần báo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch/Phó Chủ tịch/Công an/Người làm công tác bảo vệ trẻ em của cấp xã) nơi xảy ra vụ việc để xử lý; đồng thời báo ngay cho gia đình HS và nhà trường có HS bị xâm hại, bị bạo lực để phối hợp xử lý.

4. Phụ lục 4:

Xác định lao động trẻ em qua một số trường hợp

Nguồn biên tập của phân này: “Sổ tay hướng dẫn truyền thông về lao động trẻ em” (Cục Trẻ em, Bộ LĐTBXH biên soạn, 2020).

- Trường hợp 1

Chỉ còn 2 tháng nữa N.T.A sẽ tròn 16 tuổi. Với vóc dáng khoẻ mạnh, nhanh nhẹn, em đã phụ mẹ bán hàng ăn buổi sáng. Hàng ngày em dậy cùng mẹ để nhặt, rửa rau, nấu nước, thu dọn bàn ghế và phụ cho mẹ chế biến đồ ăn từ lúc 4 giờ sáng đến 6 giờ. Sau đó em đi học và đến lớp đúng giờ. Kết quả học tập chung của em vào loại khá, trong đó có kết quả môn ngữ văn được xếp vào loại giỏi. Gia đình và bản thân em N.T.A đều thấy điều đó là bình thường vì hoàn cảnh gia đình còn khó khăn về kinh tế. Vậy lao động của em N.T.A có phải là LĐTE không, vì sao?

Trả lời: Trường hợp lao động của N.T.A là LĐTE vì em lao động trong khoảng thời gian từ 22h đến 6h sáng hôm sau.

- Trường hợp 2

Em N.V.B là học sinh lớp 8 (em đi học đúng độ tuổi). Hàng sau khi đi học ở trường vào buổi sáng, em đi chăn bò vào buổi chiều từ 13h đến 17h. Vào các ngày thứ bảy và chủ nhật, em cũng vẫn đi chăn bò vào khung giờ như vậy. Vậy em lao động của em N.V.B có phải là LĐTE không, vì sao?

Trả lời: Trường hợp lao động của N.V.B là LĐTE vì em đang học lớp 8 (đi học đúng độ tuổi) thì lúc đó khoảng 13-14 tuổi, chưa đủ 15 tuổi mà lao động 28h/tuần là trái quy định pháp luật (quy định là không quá 20h/tuần).

- Trường hợp 3

Em N.T.C đã 15 tuổi rưỡi. Hàng ngày, sau khi học bài xong, em dành ra 02h để phụ giúp gia đình đan túi đựng đồ bằng mây, tre để bán cho các cửa hàng bán đồ lưu niệm cho khách du lịch. Riêng ngày chủ nhật, em dành ra 04h để phụ giúp làm việc này. Vậy lao động của em N.T.C có phải là LĐTE không, vì sao?

Trả lời: Trường hợp lao động của N.T.C không phải là LĐTE vì em đã trên 15 tuổi và thời gian làm việc không vượt quá 04h/ngày và 20h/tuần.

- Trường hợp 4

Em N.T.D đang ở một vùng quê nghèo ở ngoại thành Hà Nội. Nhà em có 3 chị em, D là chị cả. Chỉ còn 2 tháng nữa là D tròn 15 tuổi. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế, em đã đi làm thêm, ngoài giờ đi học ở trường cho một gia đình sản xuất bàn ghế mây ở gần nhà. Mỗi ngày em làm việc ở từ 7h30 đến 11h30 ở gia đình đó, còn buổi chiều em vẫn đi học ở trường. Riêng ngày chủ nhật, em không đi làm mà chỉ ở nhà học bài. Vậy lao động của em N.T.C có phải là LĐTE không, vì sao?

Trả lời: Trường hợp lao động của N.T.D là LĐTE vì em chưa đủ 15 tuổi mà thời gian làm việc của em là 24h/tuần (vượt quá 20h/tuần theo quy định).

- Trường hợp 5

Em N.V.E là học sinh lớp 11 (tròn 17 tuổi) ở một vùng quê có nghề đúc đồng nổi tiếng. Vào dịp hè, em theo cha mẹ làm cho một cơ sở đúc đồ thờ bằng đồng của một gia đình ở làng bên. Thu nhập từ công việc này cũng khá nên em làm trong suốt 2 tháng. Sang tháng 8, em xem lại kiến thức cũ và mua được đủ bộ sách giáo khoa cho năm học mới. Khi năm học mới đến, em có khoản tiền đủ để mua sách vở, đồ dùng học tập và còn mua được một chiếc xe đạp mới để đi học. Việc học của em trong năm học mới là khá tốt, không bị ảnh hưởng gì từ việc đi làm thêm trong hè. Vậy lao động của em N.T.C có phải là LĐTE không, vì sao?

Trả lời: Trường hợp lao động của N.V.E là LĐTE vì em chưa đủ 18 tuổi, đang còn ở độ tuổi vị thành niên nhưng lại làm việc tại cơ sở nấu đồng (nấu kim loại) là vi phạm quy định tại Bộ luật Lao động, 2019, Điều 147 và quy định tại Thông tư số 10/2013/BLĐTBXH (công việc số 77, 79 trong danh mục cấm làm đối với người vị thành niên).

- Trường hợp 6

Em N.V.G vừa tổ chức sinh nhật lần thứ 14 cách đây vài tuần. Gia đình em làm nghề đánh cá trên sông, hồ và em đã được học nghề này từ bé vì ở cùng cha mẹ trên thuyền. Có hôm em dậy từ 3 - 4 giờ sáng để cùng cha mẹ kéo lưới. Hàng ngày, em vẫn đi học đều và công việc này không ảnh hưởng xấu đến việc học tập của em ở nhà cũng như ở trường. Vậy lao động của em N.T.C có phải là LĐTE không, vì sao?

Trả lời: Trường hợp lao động của N.V.E là LĐTE vì em chưa đủ 15 tuổi mà lao động vào ban đêm (lúc 3 - 4 giờ sáng).

- Trường hợp 7

Năm nay N.V.H vừa tròn 14 tuổi. H ở cùng ông bà ngoại vì bố mẹ đi làm ăn xa, hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế. Ông bà ngoại cũng nghèo, H phải phụ việc phu hồ cho tốp thợ xây nhà vào một số buổi chiều không học ở trường và vào ngày chủ nhật. Vì cố gắng, H vẫn duy được việc học tập ở trường. Tối về, em chăm chỉ học bài và đạt kết quả ở các môn học vào loại khá. Vậy lao động của em N.V.H có phải là LĐTE không, vì sao?

Trả lời: Trường hợp lao động của N.V.H là LĐTE vì em chưa đủ 15 tuổi, mà đã làm việc ở công trình xây dựng, vi phạm quy định về lao động đối với trẻ em.

- Trường hợp 8

Gia đình em N.V.I ở sát biên giới. Em vừa tròn 15 tuổi nhưng đã biết đi rừng, làm nương cùng cha mẹ. Có lần nghe bạn bè kể lại là nếu vận chuyển hàng qua biên giới thì sẽ kiếm được nhiều tiền, nhất là loại hàng bị cấm như ma túy. Người ta bảo, nếu bị bắt thì chủ hàng sẽ lo hết, em không phải đền bù và không có trách nhiệm gì. Thậm chí, nếu có bị bắt thì chủ hàng sẽ lo chạy chọt để được tha ngay. Nghe lời họ, vào một số buổi không đi học ở trường, em đã vận chuyển hàng như vậy, kiếm được khá nhiều tiền và vẫn đi học đều. Vậy lao động của em N.V.I có phải là LĐTE không, vì sao?

Trả lời: Trường hợp lao động của N.V.I là LĐTE vì em thuộc nhóm người vị thành niên nhưng bị dụ dỗ, lôi kéo vào đường dây buôn bán, vận chuyển ma túy. Điều này trái với quy định của Công ước 182 của ILO về nghiêm cấm các hình thức LĐTE tồi tệ nhất.

- Trường hợp 9

Em N.T. K có ngoại hình đẹp. Khi tròn 17 tuổi, em muốn tự mình tìm kiếm việc làm ở khu du lịch. Lúc đầu, em trực ở quầy lễ tân của một nhà hàng kinh doanh ăn uống và thu hút được rất nhiều khách đến ăn uống tại nhà hàng. Có lần K nghe lời bà chủ nhà hàng cùng đi ăn với khách và được tiền bo cũng kha khá. Để tiếp tục thu hút khách đến nhà hàng đông hơn, K đã mặc trang phục gợi cảm khi phục vụ bàn và cùng ăn với khách khi họ có yêu cầu. Vậy lao động của em N.T.K có phải là LĐTE không, vì sao?

Trả lời: Trường hợp lao động của N.T.K là LĐTE vì em chưa đủ 18 tuổi, đang còn ở độ tuổi vị thành niên nhưng lại làm công việc bị cấm đối với người vị thành niên (tiếp viên nhà hàng ăn uống, mặc gợi cảm) được quy định tại Điều 3, Công ước 182 của ILO về nghiêm cấm các hình thức LĐTE tồi tệ nhất.

- Trường hợp 10

Gia đình em N.T.L có nghề làm nón truyền thống. Năm nay em mới tròn 13 tuổi, đang đi học đều đặn và học lực vào loại khá. Hàng ngày, sau khi học bài xong, em thường phụ giúp vẽ hoạ tiết lên nón lá trong vòng 2 - 3 giờ/ngày. Ngày chủ nhật em thường sang nhà ông bà chơi hoặc đi chơi cùng bạn bè. Vậy lao động của em N.T.L có phải là LĐTE không, vì sao?

Trả lời: Trường hợp lao động của N.T.L không phải là LĐTE vì em đã đủ 13 tuổi, làm công việc phù hợp với quy định tại Danh mục công việc nhẹ nhàng được phép sử dụng người dưới 15 tuổi theo Phụ lục II, Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH (Em L làm việc < 4h/ngày và < 20h/tuần, không vi phạm quy định).

- Trường hợp 11

Mẹ em N.T.M có cửa hàng bán tạp hoá nhỏ tại nhà, gần chợ của một thị trấn nhỏ. Hàng ngày sau khi đi học, buổi chiều M thường giúp mẹ trông nom cửa hàng và phụ bán hàng với mẹ khi đông khách vào khoảng thời gian từ 4 đến 6 giờ chiều. Buổi tối, khi ăn cơm xong, em tự học và thường hoàn thành bài tập, chuẩn bị cho bài học ngày hôm sau vào lúc 22 giờ. Năm nay, M đang học lớp 8 ở trường gần nhà nên thời gian đạp xe đi học từ nhà đến trường chỉ mất khoảng 10 phút. Vậy lao động của em N.T.M có phải là LĐTE không, vì sao?

Trả lời: Trường hợp lao động của N.T.M không phải là LĐTE vì em đã đủ 13 tuổi (đang học lớp 8), làm công việc phù hợp với quy định tại Danh mục công việc nhẹ nhàng được phép sử dụng người dưới 15 tuổi theo Phụ lục II, Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH (Em M làm việc < 4h/ngày và < 20h/tuần, không vi phạm quy định).

- Trường hợp 12

Năm nay, ngay sau khi tốt nghiệp THCS (đúng độ tuổi), N.V.N đang học nghề điện, điện tử ở một trường dạy nghề. Do có tay nghề khá nên một chủ quán games ở gần nhà có nhờ em sửa chữa một vài trục trặc nhỏ của máy vi tính và có đôi chút thù lao phải chăng cho em. Sau 2 tháng, em trở thành người sửa chữa chính các trục trặc của máy vi tính và kiêm luôn cả trông giữ xe máy cho khách đến 23 giờ trong một số hôm đông khách vào thứ bảy, chủ nhật mỗi tuần. Tiền thu lao cũng đủ trang trải cho việc đóng học phí ở trường nghề, nên N tự nguyện làm và vẫn đảm bảo học tập tốt ở trường. Em cảm thấy qua việc sửa chữa ở quán games này, tay nghề của em có điều kiện thực hành khá hơn và sau này sẽ phục vụ tốt hơn cho việc dự định mở cửa hàng sửa chữa đồ điện tử. Vậy lao động của em N.V.N có phải là LĐTE không, vì sao?

Trả lời: Trường hợp lao động của N.V.N là LĐTE vì em đang ở lứa tuổi vị thành niên (sau tốt nghiệp THCS đúng độ tuổi, vào khoảng 15-17 tuổi) mà lại làm việc ban đêm (đến 23h vào thứ bảy, chủ nhật); đồng thời địa điểm làm việc là ở cơ sở dịch vụ trò chơi điện tử là vi phạm quy định của luật pháp (Điều 146, Bộ luật Lao động, 2019).

5. Phụ lục 5.

Danh mục công việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Lao động 2019 (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

1. Trực tiếp luyện quặng kim loại màu (đồng, chì, thiếc, thủy ngân, kẽm, bạc).
2. Đốt và ra lò luyện cốc.
3. Đốt lò đầu máy hơi nước.
4. Vận hành nồi hơi đốt nhiên liệu (than đá, bã mía, củi, mùn cưa, trấu) và nồi hơi sử dụng nhiên liệu lỏng và có khí áp suất làm việc từ 4,0 bar trở lên, công suất trên 0,5 T/h).
5. Vận hành hệ thống điều chế và nạp axetylen, oxy, hydro, clo và các khí hoá lỏng, các trạm khí nén có áp suất 8,0 bar.
6. Vận hành hệ thống lạnh (làm nước đá, đông lạnh).
7. Lắp đặt khuôn máy rèn, dập, ép, cắt kim loại (không phân biệt máy hơi nước, khí nén, điện hoặc cơ).
8. Thu gom bã thải sản xuất cồn công nghiệp.
9. Vận hành máy hồ vải sợi.
10. Nhuộm, hấp, vải sợi.
11. Chủ nhiệm kho, thủ kho, phụ kho hóa chất, thuốc nhuộm.
12. Khai thác đá, đập đá thủ công, cấy bẫy đá trên núi.
13. Trực tiếp đưa vật liệu vào máy nghiền đá và làm việc với máy nghiền đá.
14. Tuyển quặng chì.
15. Sử dụng các loại máy cầm tay chạy bằng hơi ép có sức ép từ 4 atmotphe trở lên (như máy khoan, máy búa và các máy tương tự gây những chấn động không bình thường cho thân thể người).
16. Đãi, tuyển vàng, quặng, đá đỏ.

17. Trực tiếp đào gốc cây có đường kính lớn hơn 40cm bằng phương pháp thủ công.
18. Cưa xẻ gỗ 2 người kéo bằng phương pháp thủ công.
19. Đốn hạ những cây có đường kính từ 35cm trở lên, cưa cắt cành, tỉa cành trên cao bằng phương pháp thủ công.
20. Vận xuất gỗ lớn, xeo bán, bóc xếp gỗ có đường kính từ 35cm trở lên bằng thủ công, bằng máng gỗ, bằng cầu trượt gỗ.
21. Mò vót gỗ chìm, cánh kéo gỗ trong âu, triền đưa gỗ lên bờ.
22. Xuôi bè mảng trên sông có nhiều ghềnh thác.
23. Lái máy kéo nông nghiệp.
24. Các công việc khai thác phân dơi; khai thác tổ yến tự nhiên ngoài đảo.
25. Xẻ gỗ bằng máy cưa đĩa và máy cưa vòng.
26. Vận hành các máy bào trong nghề gỗ (trừ máy cầm tay).
27. Trực tiếp nuôi, huấn luyện thú dữ hoặc động vật có nọc độc.
28. Sơ chế tre, nứa, mây và cói, nếu có sử dụng hóa chất độc hại.
29. Đốt lò nung gạch chịu lửa, lò vôi, tôi vôi bằng phương pháp thủ công.
30. Công việc phải làm một mình trên đường sắt, hoặc ở nơi tầm nhìn của người công nhân không vượt quá 400m.
31. Công việc di chuyển, nối hoặc tách toa xe trong xưởng máy, trên đường sắt.
32. Điều khiển các phương tiện giao thông vận tải có động cơ có dung tích xi lanh từ 50 cm³ trở lên.
33. Móc buộc tải trọng cho cầu trục, cần trục, cổng trục, palăng điện.
34. Khảo sát đường sông.
35. Các công việc trên tàu đi biển, trừ trường hợp đủ 16 tuổi trở lên.
36. Lắp đặt giàn khoan.
37. Làm việc ở giàn khoan trên biển.
38. Công việc gác tàu, trông tàu trong âu, triền đà.
39. Khoan thăm dò giếng dầu và khí.
40. Khoan thăm dò, khoan nổ mìn, bắn mìn.
41. Cán ép tấm da lớn, cứng.

42. Tráng paraffin trong bể rượu.
43. Lưu hoá, hình thành, bốc dỡ sản phẩm cao su cỡ lớn như: thùng, két nhiên liệu, lớp ô tô.
44. Công việc tiếp xúc với xăng, dầu trong hang, hầm: giao nhận, bảo quản, vận hành máy bơm và đo xăng, dầu.
45. Đốt lò sinh khí nấu thủy tinh, thổi thủy tinh bằng miệng.
46. Châm lửa cho máy đốt dầu tiêu thụ từ 400 l/h.
47. Các công việc đóng mới và sửa chữa phương tiện thủy phải mang vác, gá đặt vật gia công có trọng lượng từ 20kg trở lên.
48. Vận hành lò đốt rác và xử lý nước thải.
49. Nấu, tẩy rửa bột giấy bằng clo.
50. Lắp đặt sửa chữa đường dây điện trong cống ngầm hoặc trên cột ngoài trời, đường dây điện cao thế, lắp dựng cột điện cao thế.
51. Lắp đặt, sửa chữa cáp ngầm, cáp treo của đường dây điện thông tin.
52. Vận hành, trực các trạm điện hạ áp, trung áp và cao áp.
53. Kiểm tra, sửa chữa và xử lý các mạch điện có điện thế 700 V trong trường hợp dòng điện một chiều; trên 220V trong trường hợp dòng điện xoay chiều và các vật duy trì mạch điện đó.
54. Công việc ở đài phát thanh, phát sóng tần số radiô như đài phát thanh, phát hình và trạm radar, trạm vệ tinh viễn thông... bị ảnh hưởng bởi điện từ trường vượt quá tiêu chuẩn cho phép.
55. Sửa chữa lò, thùng, tháp kín, đường ống trong sản xuất hóa chất.
56. Các công việc tiếp xúc dung môi hữu cơ như: ngâm tẩm tà vẹt, trải nhũ tương giấy ảnh, in hoa trên màng mỏng, in nhãn trên giấy láng mỏng, cán ép nhựa phenon, vận hành nồi đa tụ keo phenon.
57. Trực tiếp tiếp xúc với hoá chất gây biến đổi gen:
- 57.1. Hóa chất: 5 Fluoro- uracil;
- 57.2. Hóa chất: Benzen.
58. Trực tiếp tiếp xúc với các hoá chất, hợp chất gây tác hại sinh sản lâu dài (như gây thiếu năng tinh hoàn, thiếu năng buồng trứng):
- 58.1. Estrogen;

58.2. Axít cis-retinoic;

58.3. Cacbaryl;

58.4. Dibromuaclo propan(DBCP);

58.5. Toluendiamin và dinitrotoluen;

58.6. Polyclorin biphenyl (PCBs);

58.7. Polybromua biphenyl (PBBs).

59. Trực tiếp tiếp xúc (bao gồm các khâu: sản xuất, đóng gói, pha chế, phun thuốc, khử trùng kho) với các hoá chất trừ sâu, trừ cỏ, diệt mối mọt, diệt chuột, trừ muỗi có chứa Clo hữu cơ và một số hoá chất có khả năng gây ung thư sau đây:

59.1. Hóa chất: 1,4 butanediol, dimetansunfonat;

59.2. Hóa chất: 4 aminnobiphenyl;

59.3. Amiăng loại amosit, amiăng loại crysotil, amiăng loại crosidolit;

59.4. Asen (hay thạch tín), canxi asenat;

59.5. Dioxin;

59.6. Diclorometyl-ete;

59.7. Các loại muối cromat không tan;

59.8. Nhựa than đá, phần bay hơi nhựa than đá;

59.9. Xyclophotphamit;

59.10. Diethylstilboestol;

59.11. Hóa chất: 2, Naphtylamin;

59.12. Hóa chất: N, N - di (Cloroetyl). 2. Naphtylamin;

59.13. Thori dioxyt;

59.14. Theosufan;

59.15. Vinyl clorua, vinyl clorid;

59.16. Hóa chất: 4- amino, 10- metyl folic axít;

59.17. Thủy ngân, hợp chất metyl thủy ngân, metyl thủy ngân clorua;

59.18. Nitro pentoxyt;

59.19. Hóa chất: 2,3,7,8 tetracloro dibenzen furan;

59.20. Hóa chất: 2- alphaphenyl-beta axetyletyl;

- 59.21. Axety salixylic axít;
 - 59.22. Asparagin;
 - 59.23. Benomyl;
 - 59.24. Boric axít;
 - 59.25. Cafein;
 - 59.26. Dimetyl sunfoxid;
 - 59.27. Direct blue-1;
 - 59.28. Focmamid;
 - 59.29. Hydrocortison, Hydrocortission axetat;
 - 59.30. Iod (kim loại);
 - 59.31. Chì, chì axetat, chì nitrat (tiếp xúc với xăng sơn, mực in có chứa chì, sản xuất ắc quy, hàn chì);
 - 59.32. Mercapto, purin;
 - 59.33. Kali bromua, kali iodua;
 - 59.34. Propyl- thio- uracil;
 - 59.35. Ribavirin;
 - 59.36. Natri asenat, natri asenit, natri iodua, natri salixylat;
 - 59.37. Tetrametyl thiuram disunfua;
 - 59.38. Trameinnolon axetonid;
 - 59.39. Triton WR-1339;
 - 59.40. Trypan blue;
 - 59.41. Valproic axít;
 - 59.42. Vincristin sunfat;
 - 59.43. Khí dụng Vinazol.
60. Tiếp xúc thường xuyên với các hoá chất sau đây
- 60.1. Oxyt cacbon (CO): trong vận hành lò tạo khí than, thải xỉ;
 - 60.2. Các loại thuốc nhuộm có gốc anilin, xylizin, toluzin, auramin;
 - 60.3. Các hợp chất có gốc xianua (-CN-);
 - 60.4. Phốt pho và các hợp chất P_2O_5 , P_2S_5 , PCl_3 , H_3P ;

- 60.5. Trinitro toluen (TNT);
- 60.6. Mangan dioxyt (MnO_2);
- 60.7. Photgein ($COCl_2$);
- 60.8. Disunfua cacbon(CS_2);
- 60.9. Oxit nitơ và axít nitric;
- 60.10. Anhydrit sunfuaric và axít sunfuaric;
- 60.11. Đất đèn (CaC_2) như vận hành lò đất đèn dạng hờ, thải xỉ.
61. Làm việc trong thùng chìm.
62. Nạo vét cống ngầm, công việc phải ngâm mình thường xuyên dưới nước bắn hôi thối.
63. Sản xuất photpho vàng.
64. Mổ tử thi, liệm mai táng người chết, bốc mả, các công việc trong nhà xác.
65. Nhặt hoặc phân loại rác thải, chất thải, các chất thải hoặc phế liệu.
66. Công việc tiếp xúc với hơi thuốc gây mê hàng ngày, làm việc ở khoa hồi sức cấp cứu, khoa chống nhiễm khuẩn, kiểm soát nhiễm khuẩn ở khoa lây của các cơ sở y tế, các trung tâm truyền máu, các cơ sở sản xuất vắc xin phòng bệnh, tham gia dập tắt các ổ dịch, làm việc ở khu điều trị bằng sóng ngắn, siêu âm.
67. Lắp dựng, tháo dỡ hoặc thay đổi giàn giáo.
68. Công việc phải mang, vác, nâng các vật nặng vượt quá thể trạng lao động chưa thành niên:

Tuổi của lao động chưa thành niên	Công việc không thường xuyên (kg)		Công việc thường xuyên (kg)	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ
Từ 15 tuổi (180 tháng) đến dưới 16 tuổi (192 tháng)	≥ 15	≥ 12	≥ 10	≥ 8
Từ 16 tuổi (192 tháng) đến dưới 18 tuổi (216 tháng)	≥ 30	≥ 25	≥ 20	≥ 15

69. Phân loại, tái chế các sản phẩm có chứa than chì.

6. Phụ lục 6. Danh mục nơi làm việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Lao động 2019 (*Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*)

1. Tiếp xúc với các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại có trong môi trường lao động nằm ngoài giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh lao động, bao gồm: điện từ trường, rung, ồn, nhiệt độ, bụi silic, bụi không chứa silic, bụi bông, bụi amiăng, bụi than, bụi tale; các loại chất, tia phóng xạ; bức xạ bởi tia X, các chất độc hại và các tia có hại khác.
2. Tiếp xúc với các vi sinh vật gây bệnh.
3. Thời gian làm việc trên 04 giờ/ngày trong không gian làm việc gò bó, chật hẹp, công việc có khi phải quỳ gối, nằm, cúi khom.
4. Trên giá cao hay dây treo cao hơn 2 m so với mặt sàn làm việc; địa hình đồi núi dốc trên 30⁰.
5. Các công việc ở trong hố sâu hơn 5m.
6. Làm việc trong nhà tù hoặc trong bệnh viện tâm thần.

7. Phụ lục 7. Danh mục công việc nhẹ người từ đủ 13 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi được làm (*Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*)

1. Biểu diễn nghệ thuật.
2. Vận động viên thể thao.
3. Lập trình phần mềm.
4. Các nghề truyền thống: chằm men gốm; cưa vỏ trai; làm giấy dó; làm nón lá; chằm nón; dệt chiếu; làm trống; dệt thô cầm; thêu thô cầm; làm bún gạo; làm miến; làm giá đỗ; làm bánh đa; dệt tơ tằm; se sợi hoa sen; vẽ tranh sơn mài, se nhang, làm vàng mã (trừ các công đoạn có sử dụng hóa chất độc hại như sơn ta, hóa chất tẩy rửa, hóa chất dùng để ướp màu, hóa chất tạo mùi, tạo tàn nhang cong...).
5. Các nghề thủ công mỹ nghệ: thêu ren; mộc mỹ nghệ; làm lược sừng; làm tranh dân gian (tranh Đông Hồ, tranh Hàng Trống...); nặn tò he; làm tranh khắc gỗ, biểu tranh lụa; nhật vô sò, điệp để gắn trên tranh mỹ nghệ; mài đánh bóng tranh mỹ nghệ; khâu chuỗi tràng hạt kết cườm, đánh bóng trang sức mỹ nghệ; làm rối búp bê; làm thiếp mừng các sản phẩm từ giấy nghệ thuật trang trí trên thiếp mừng; làm khung tranh mô hình giấy, hộp giấy, túi giấy.
6. Đan lát, làm các đồ gia dụng, đồ thủ công mỹ nghệ từ nguyên liệu tự nhiên như: mây, tre, nứa, dừa, chuối, bèo lục bình, đay, cói, quế, guột, đót, lá nón.

7. Gói nem, gói kẹo, gói bánh (trừ việc vận hành hoặc sử dụng các máy, thiết bị, dụng cụ đóng gói).
8. Nuôi tằm.
9. Làm cỏ vườn rau sạch; thu hoạch rau, củ, quả sạch theo mùa.
10. Chăn thả gia súc tại nông trại.
11. Phụ gỡ lưới cá, đan lưới cá, phơi khô thủy sản.
12. Cắt chỉ, đơm nút, thùa khuyết, đóng gói vào hộp các sản phẩm dệt thủ công.

8. Phụ lục 8. Danh mục nghề, công việc người đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi có thể được làm thêm giờ (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

1. Biểu diễn nghệ thuật.
2. Vận động viên thể thao.
3. Viết văn, viết báo.
4. Lập trình phần mềm.
5. Các nghề truyền thống: chằm men gốm; làm giấy dó; làm nón lá; se nhang; chằm nón; dệt chiếu; làm trống; dệt thổ cẩm; thêu thổ cẩm; làm bún gạo; làm miến; làm giá đỗ; làm bánh đa; dệt tơ tằm; se sợi hoa sen.
6. Các nghề thủ công mỹ nghệ: thêu ren; mộc mỹ nghệ; làm lược sừng; làm tranh dân gian (tranh Đông Hồ, tranh Hàng Trống...); nặn tò he; làm tranh khắc gỗ, biểu trưng lụa; nhật vổ sò, điệp... để gắn trên tranh mỹ nghệ; khâu chuỗi tràng hạt kết cườm; làm rối búp bê; làm thiệp mừng các sản phẩm từ giấy nghệ thuật trang trí trên thiệp mừng; làm khung tranh mô hình giấy, hộp giấy, túi giấy.
7. Đan lát, làm các đồ gia dụng, đồ thủ công mỹ nghệ từ nguyên liệu tự nhiên như: mây, tre, nứa, dừa, chuối, bèo lục bình, đay, cói, quế, guột, đót, lá nón.
8. Gói nem, gói kẹo, gói bánh (trừ trường hợp vận hành hoặc sử dụng các máy, thiết bị, dụng cụ đóng gói).
9. Cắt chỉ, đơm nút, thùa khuyết, đóng gói vào hộp các sản phẩm dệt thủ công.
10. Đưa tin, thư bưu phẩm, bưu kiện; đóng gói bưu phẩm.
11. Bán hàng tận nhà; bán hàng qua điện thoại; bán hàng trực tuyến.
12. Đánh giày; chế biến, bán hàng thực phẩm trên hè phố.
13. Gia sư; quét dọn, giúp việc trong các gia đình; phụ giúp vệ sinh nhà cửa.

14. Bảo vệ, trông xe các cơ quan, doanh nghiệp, nhà hàng.
15. Thu tiền từ máy bán hàng tự động, ghi số từ các đồng hồ; thu ngân, bán hàng trong siêu thị.
16. Công việc trong nhà hàng, quán ăn, quán cà phê: lễ tân, pha chế đồ uống, phụ bàn, phụ bếp, đầu bếp, tạp vụ.
17. Công việc văn phòng: photo, đánh máy, trực điện thoại.
18. Dịch vụ bán hàng: quần áo, giày dép, sách báo, tạp hóa.
19. Sơ chế nông sản: phân loại, gọt vỏ, bóc vỏ, tách nhân, đóng gói.
20. Làm cỏ vườn rau sạch; thu hoạch rau, củ, quả sạch theo mùa.
21. Nuôi gia súc, gia cầm, nuôi giun, dế, côn trùng không độc hại, nguy hiểm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Trẻ em 2016.
2. Bộ luật Lao động 2019.
3. Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động chưa thành niên.
4. Bộ LĐTBXH và Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc: Báo cáo tóm tắt Tổng quan tài liệu và lập hồ sơ can thiệp lao động trẻ em ở Việt Nam.
5. Bộ Tài liệu Tập huấn về phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em của Bộ LĐTBXH, 2019.
6. Bạn biết gì về lao động trẻ em, Cục Trẻ em, Bộ LĐTBXH, 2020.
7. Sổ tay hướng dẫn truyền thông về lao động trẻ em, Cục Trẻ em, Bộ LĐTBXH, 2020.
8. Báo cáo Trẻ em ngoài nhà trường: Nghiên cứu của Việt Nam, UNICEF, 2016.
9. Nguyên nhân lao động trẻ em do UNICEF và Cục Trẻ em, Bộ LĐTBXH công bố năm 2020.
10. Báo cáo của các sở GDĐT về lao động trẻ em, tháng 5/2022.
11. Kết quả khảo sát ở một số trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có HS bán trú, tháng 11/2022 của Bộ GDĐT./.